

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH
THIẾT KẾ NỘI THẤT

Mã ngành 7580108

Trình độ đại học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1207/QĐ-NTT ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo	3
1.2 Thông tin chung	3
1.3 Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường	3
1.3.1 Tầm nhìn	3
1.3.2 Sứ mạng	4
1.4 Triết lý giáo dục của Trường	5
1.5 Tầm nhìn, sứ mạng của Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng	5
1.5.1 Tầm nhìn	6
1.5.2. Sứ mạng	6
1.6 Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs).....	6
1.6.1 Mục tiêu chung	6
1.6.2 Mục tiêu cụ thể	6
1.7 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	7
1.7.1 Chuẩn đầu ra	7
1.7.2 Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT	8
1.8 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	8
1.8.1 Cơ hội việc làm.....	8
1.8.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ	9
1.9 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	9
1.9.1 Các tiêu chí tuyển sinh.....	9
1.9.2 Quá trình đào tạo	10
1.9.3 Điều kiện tốt nghiệp.....	10
1.10. Chiến lược giảng dạy - học tập	10
1.10.1 Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập.....	11
1.10.2 Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	12

1.11 Phương pháp đánh giá.....	14
1.11.1 Các phương pháp đánh giá	14
1.11.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	14
1.11.3 Hệ thống tính điểm	14
1.11.4 Mối liên hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT	15
1.12 Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.....	16
1.13 Môi trường học tập.....	17
1.13.1 Các cơ sở đào tạo của Trường	17
1.13.2 Các khu vực học tập và hệ thống phòng học	17
1.13.3 Thông tin thư viện.....	18
1.13.4 Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành học	19
1.13.5 Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học.....	19
1.13.6 Cơ sở dữ liệu điện tử.....	19
1.14 Dịch vụ hỗ trợ sinh viên.....	20
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	24
2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy	24
2.2 Danh sách các học phần	25
2.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	34
2.4 Sơ đồ hóa lộ trình học tập	42
2.5 Kế hoạch giảng dạy	43
2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học	46
3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	60
3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra	60
3.2 Đối sánh chương trình đào tạo	65
3.2.1 Đối sánh các chương trình đào tạo	65
3.2.2 Đối sánh cùng chương trình đào tạo với các phiên bản trước đó	69
4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	71
5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	71

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo

Ngành Thiết kế nội thất của trường đại học Nguyễn Tất Thành chính thức tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2018. Chương trình đào tạo của trường được xây dựng dựa trên phân tích nhu cầu thực tế của xã hội, và kế thừa từ chương trình đào tạo của các trường đi trước trong nước cũng như quốc tế. Chương trình đào tạo của trường Nguyễn Tất Thành được xây dựng thiên về định hướng ứng dụng thực tế, nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội. Chương trình luôn được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của xã hội và đáp ứng được sự phát triển trong tương lai của ngành theo định kỳ 2 năm một lần.

1.2 Thông tin chung

Các thông tin chung về chương trình đào tạo được thể hiện ở Bảng 1

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên ngành đào tạo	Thiết kế nội thất
2. Trình độ đào tạo/ Bậc	Đại học/ Bậc 6/8
3. Văn bằng tốt nghiệp	Bằng Cử nhân
4. Loại hình đào tạo	Chính quy
5. Thời gian đào tạo (dự kiến)	4 năm
6. Số tín chỉ	142
7. Khóa áp dụng	Từ khóa: 2022
8. Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9. Thông tin Khoa/Viện quản lý	- Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng - Địa chỉ: 331 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, Quận 12, TP HCM - Website: https://kientrucdesign.ntt.edu.vn/ - Email, Số điện thoại: 0335450611 hoặc 028-62-5656-90/91/92/93 – số máy lẻ: 222 - Facebook: https://www.facebook.com/KTNTMTUDNTTU
10. Ban hành	2022

1.3 Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường

1.3.1 Tầm nhìn

Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

1.3.2 Sứ mạng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

1.3.3 Mục tiêu chiến lược

Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành Đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Sứ mạng hiện tại của Nhà trường được xác định:

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

Giá trị cốt lõi

- Đoàn kết (một tập thể thống nhất hoạt động vì mục tiêu chung)
- Hội nhập (với chuẩn trong nước, khu vực, và thế giới);
- Năng động (trong học tập, nghiên cứu, và làm việc);
- Trí tuệ (với tâm trong, trí sáng, xử trí mọi vấn đề thông minh);
- Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội, và quốc tế).

Chiến lược ĐBCL của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành gồm các mục tiêu sau:

Mục tiêu 1: Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tổng thể;

Mục tiêu 2: Nghiên cứu nội bộ (Institutional research) nhằm thúc đẩy quá trình ra quyết định về đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu;

Mục tiêu 3: Kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực;

Mục tiêu 4: Khẳng định vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực, quốc tế thông qua hoạt động gắn sao, và xếp hạng

1.4 Triết lý giáo dục của Trường

- Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”.

+ **A:** Thực học: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng.

+ **B:** Thực hành: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp.

+ **C:** Thực danh: Người học khẳng định bản thân, hình ảnh nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường.

+ **D:** Thực nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

- Triết lý giáo dục của Trường được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành Thiết kế nội thất được thể hiện tại Bảng 2.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa Triết lý giáo dục với chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Nội thất		Triết lý giáo dục của Trường			
		A (thực học)	B (thực hành)	C (thực danh)	D (thực nghiệp)
Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	X	X	X	
	Khoa học cơ bản	X	X	X	
Khối kiến thức cơ sở ngành		X	X	X	X
Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu		X	X	X	X
Khối kiến thức tốt nghiệp		X	X	X	X

1.5 Tầm nhìn, sứ mạng của Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng

1.5.1 Tầm nhìn

Đến năm 2025, Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, uy tín, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, quốc gia và khu vực:

Là địa chỉ đào tạo tin cậy – uy tín trong lĩnh vực kiến trúc và mỹ thuật ứng dụng của các tỉnh phía Nam; Chương trình đào tạo có khả năng liên kết với các trường ĐH trong khu vực;

Cung cấp cho DN và xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, là các kỹ sư, kiến trúc sư, cử nhân mỹ thuật có kiến thức sâu rộng, có trình độ kỹ thuật và quản lý, có nhận thức về cái đẹp độc đáo, có khả năng tạo ra những sản phẩm mỹ thuật để đời, có khả năng sử dụng thành thạo Tin học và Ngoại ngữ, có đạo đức nghề nghiệp và thái độ lao động đáp ứng yêu cầu hội nhập đáp ứng yêu cầu hội nhập.

1.5.2. Sứ mạng

Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là cơ sở giáo dục đại học cung cấp các kiến thức lý thuyết và ứng dụng thực tiễn về kỹ thuật, mỹ thuật, tổ chức và quản lý xây dựng các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp, đảm bảo cho người học có kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp, làm việc hiệu quả trong các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

1.6 Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs)

1.6.1 Mục tiêu chung

Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là một khoa định hướng ứng dụng thực tế. Khoa Kiến trúc – Nội thất – Mỹ thuật ứng dụng hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu giáo dục Đại học đại chúng, tạo lập môi trường học tập tích cực và trải nghiệm thực tiễn cho mọi sinh viên, trang bị cho sinh viên năng lực tự học, tinh thần sáng tạo khởi nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng để sinh viên phát triển mọi tiềm năng và có thể thích ứng với một xã hội đang thay đổi, có cơ hội tìm được việc làm ngay khi tốt nghiệp, thông qua đó đóng góp cho việc tạo dựng lĩnh vực nói riêng và ngành tế nói chung góp phần phồn vinh về kinh tế, ổn định về xã hội, phát triển bền vững và vươn lên hội nhập khu vực và toàn cầu.

1.6.2 Mục tiêu cụ thể

- **PEO1:** Đào tạo ra người thiết kế nội thất theo định hướng ứng dụng thực tế công việc.

- **PEO2:** Người thiết kế có khả năng tư vấn thiết kế, phân tích và lựa chọn được phương án thiết kế nội thất hợp lý nhất cho công trình.
- **PEO3:** Người thiết kế có khả năng giám sát và quản lý các dự án nội thất công trình công cộng, công trình nhà ở, cảnh quan trong nội thất.
- **PEO4:** Người thiết kế hiểu các quy định và quy chuẩn trong thiết kế nội thất công trình và có khả năng tự cập nhật các thay đổi của các quy định và quy chuẩn trên.
- **PEO5:** Người thiết kế có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội, có đầy đủ các năng lực chuyên môn để làm việc trong ngành thiết kế nội thất.

1.7 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

1.7.1 Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thiết kế nội thất có thể:

- Hành nghề chuyên nghiệp trong môi trường thực tế với đầy đủ kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề và có đủ nhận thức tự chủ trách nhiệm về công việc.

a) Kiến thức

- PLO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên/khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực ngành nghề...;
- PLO2 (K2): Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Thiết kế Nội thất để thiết kế sáng tác, lập hồ sơ và quản lý dự án liên quan đến chuyên ngành Thiết kế Nội thất.

b) Kỹ năng

- PLO3 (S1): Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau
- PLO4 (S2): Thực hiện các bản vẽ kỹ thuật Thiết kế Nội thất, bản vẽ phối cảnh Thiết kế Nội thất và có khả năng tư duy sáng tạo trong quá trình hành nghề.
- PLO5 (S3): Thực hiện Thiết kế Nội thất các thể loại công trình khác nhau: công trình công cộng, công trình nhà ở, cảnh quan trong nội thất.
- PLO6 (S4): Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm chuyên ngành để phục vụ công tác nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.

c) Mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO7 (A1): Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội

- PLO8 (A2): Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

1.7.2 Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO1	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO2		✓	✓	✓	✓	✓	✓	
PEO3		✓	✓			✓	✓	
PEO4	✓	✓			✓		✓	✓
PEO5	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

1.8 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

1.8.1 Cơ hội việc làm

- Một trong những điều tuyệt vời của nghề thiết kế nội thất là nó cung cấp nhiều sự lựa chọn phù hợp với nhiều sở thích và khả năng. Nhà thiết kế nội thất có nhiều cơ hội làm việc ở nhiều môi trường khác nhau.
- Bên cạnh việc trở thành chuyên gia trong các tổ chức tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công về nội thất các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp; bạn có thể tham gia các cửa hàng bán đồ nội thất như một cộng tác viên bán hàng hoặc chuyên viên tư vấn về design.
- Ngoài ra các tổ chức của ngành xây dựng như: công ty bất động sản, công ty xây dựng hoặc các nhà máy sản xuất, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, nhà in, nhà xuất bản, cơ quan văn hóa... có các lĩnh vực liên quan đến thiết kế nội thất đều cần nhà thiết kế nội thất ở những vai trò khác nhau.
- Sau khi làm việc cho các công ty trong một thời gian giúp bạn tìm hiểu về khía cạnh kinh doanh của nghề nghiệp và có được kinh nghiệm trong thiết kế, kinh nghiệm làm việc với khách hàng, bạn có thể trở thành nhà thiết kế nội thất hoạt động độc lập, tự mở công ty thiết kế riêng của mình.

- Trở thành nghiên cứu viên trong các trường đại học và các viện nghiên cứu liên quan đến thiết kế nội thất.

1.8.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ

- Có thể tham gia học tập các chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Sau khi tốt nghiệp, có thể học lên cao học ở các trường:
 - Đại học Mỹ thuật Việt Nam:
 - Chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình (Hội họa).
 - Chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình (Đồ họa).
 - Chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình (Điều khắc).
 - Đại học Mỹ thuật TP.HCM:
 - Chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình (Hội họa, Đồ họa, Điều khắc).
 - Chuyên ngành Lý luận và Lịch sử mỹ thuật.
 - Trường đại học Văn Hoá TP.HCM:
 - Chuyên ngành Quản lý văn hóa.
 - Trường đại học Tôn Đức Thắng:
 - Chuyên ngành “Mỹ thuật ứng dụng”.
 - Đại học Mỹ thuật công nghiệp:
 - Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Công nghiệp.

1.9 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.9.1 Các tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT
- Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:
 - Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022 theo tổ hợp môn.
 - Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
 - Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
 - Tổng ĐTB 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10+ ĐTB_HK2 lớp 10+ ĐTB_HK1 lớp 11+ ĐTB_HK2 lớp 11+ ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.
 - Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
 - Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.

- **Phương thức 3:** Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM từ 550 điểm trở lên.
- **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.
Riêng với điều kiện xét tuyển các ngành sức khỏe áp dụng theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD&ĐT.

1.9.2 Quá trình đào tạo

- Thời gian đào tạo (dự kiến): 4 năm
- Số học kỳ trong chương trình: 12
- Năm đầu tiên học đại cương và các kiến thức khoa học cơ bản. Năm thứ hai đến năm thứ ba học các kiến thức chuyên ngành. Năm thứ tư dùng để tập trung cho đề cương tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp.

1.9.3 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần (HP), số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ:
 - + Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (đối với các CTĐT đào tạo cấp bằng cử nhân)
 - + Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề: Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng tìm kiếm công việc; Kỹ năng soạn thảo văn bản.

1.10. Chiến lược giảng dạy - học tập

Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung, từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

1.10.1 Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập

*** Chiến lược dạy học trực tiếp**

- a. **Phương pháp thuyết trình:** giáo viên sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để truyền đạt cho người học hệ thống thông tin về nội dung học tập.
- b. **Phương pháp diễn trình:** giáo viên trình bày các thao tác với đồ dùng dạy học (dụng cụ, mô hình...) để người học quan sát, nhằm nhận thức đúng đắn sự vật, hiện tượng, các thí nghiệm... hoặc các thao tác thuộc kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, qua đó người học nhận thức, ghi nhớ và làm theo các thao tác mẫu.
- c. **Phương pháp dạy thực hành:** giáo viên làm mẫu và thực hành tự lực của người học dưới sự hướng dẫn của giáo viên thể hiện bằng lời nói, câu hỏi hay bài tập thực hành, nhằm giúp cho người học rèn luyện kỹ năng thực hành.
- d. **Giải thích cụ thể (Explicit Teaching):** giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- e. **Tham luận (Guest lecture):** Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

*** Chiến lược dạy học gián tiếp**

- **Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

*** Chiến lược dạy học trải nghiệm**

- **Mô hình (Models):** là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan

sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

* Chiến lược dạy học tương tác

- **Tranh luận (Debates):** là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.
- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.
- **Học nhóm (Peer Learning):** Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

* Chiến lược tự học

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.10.2 Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập nêu trên giúp người học đạt CDR của CTĐT ngành Thiết kế nội thất thể hiện tại Bảng 4.

Bảng 4. Mối liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với CDR của CTĐT ngành Thiết kế nội thất

Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1.	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Chiến lược dạy học trực tiếp								
- Phương pháp Thuyết trình	x	x	x			x		
- Phương pháp diễn trình	x	x	x		x			x
- Phương pháp dạy thực hành		x		x	x			x
- Phương pháp giải thích cụ thể	x	x		x	x		x	x
- Phương pháp tham luận	x	x		x	x		x	x
Chiến lược dạy học gián tiếp								
- Phương pháp câu hỏi gợi mở	x	x	x				x	x
- Phương pháp giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	
- Phương pháp học theo tình huống	x	x	x				x	x
Chiến lược dạy học trải nghiệm								
- Mô hình		x		x	x			
- Thực tập, thực tế				x	x	x		x

Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1.	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
- Nhóm nghiên cứu giảng dạy	x	x		x	x			
Chiến lược dạy học tương tác								
- Tranh luận	x		x			x	x	x
- Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x
- Học nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x
- Chiến lược tự học	x	x	x	x	x	x	x	x
- Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x	x	x

1.11 Phương pháp đánh giá

1.11.1 Các phương pháp đánh giá

a. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

- Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)
- Đánh giá bài tập (Work Assigment)
- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

b. Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment)

- Kiểm tra viết (Written Exam)
- Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)
- Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)
- Báo cáo (Written Report)
- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)
- Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

1.11.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo.

1.11.3 Hệ thống tính điểm

a) Điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

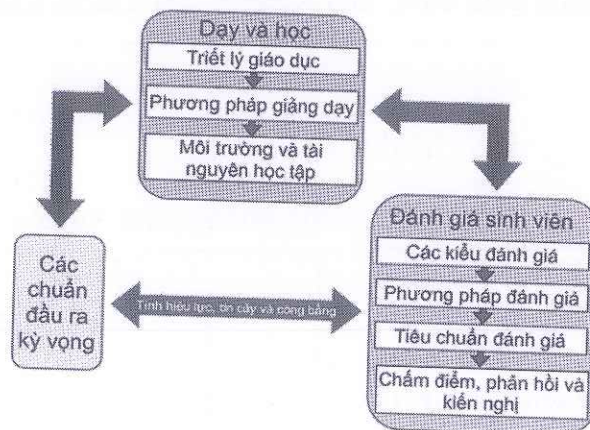
STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	Kiểm tra viết	x	x	x			x	x	x
2	Kiểm tra trắc nghiệm						x		
3	Bảo vệ và thi vấn đáp		x		x	x	x		
4	Báo cáo		x			x	x		
5	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x

1.12 Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT

Đảm bảo qui trình thiết kế môn học để chuẩn đầu ra của môn học (CLOs) tương thích với chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

Đảm bảo chất lượng trong lượng giá học tập theo CLOs qua:

1. Đánh giá chính thức (formal assessment): Bài kiểm tra Bài tập về nhà Bài tập Trắc nghiệm Đánh giá hoạt động trong lớp Các báo cáo, chuyên đề Thảo luận, bài tập nhóm.
2. Đánh giá không chính thức (informal assessment): - Đố vui - Phát biểu trong giờ học - Các kỹ thuật học tích cực như: Think-pair-share; Concept mapping, Pause procedure - “Muddiest Point”, “Polling the class”, “One Minute Papers”, “Application Cards”, “Reaction Papers”.
3. Phản hồi (feedback/survey) – từ các khảo sát của người học, nhà tuyển dụng lao động, các đánh giá viên bên ngoài, đánh giá của các cơ quan/tổ chức chuyên môn.
4. Đảm bảo sự kết nối giữa đánh giá kết quả học tập người học với phương pháp dạy – học và đạt được CLOs theo mô hình sau:



Mô hình kết nối giữa chuẩn đầu ra – phương pháp dạy học – phương pháp đánh giá

1.13 Môi trường học tập

1.13.1 Các cơ sở đào tạo của Trường

Bảng 6. Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên, địa chỉ cơ sở	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính 300A Nguyễn Tất Thành	8,634
2	298A Nguyễn Tất Thành	7,928
3	27A Nguyễn Oanh	1,296
4	331 - An Phú Đông Q.12	31,082
5	1165- An Phú Đông Q.12	9,286
6	Cơ sở Quận 7 458/3F Nguyễn Hữu Thọ	7,913
7	38 Tôn Thất Thuyết	3,015.00
8	Cơ sở bệnh viện nhi đồng II	144
9	Cơ sở 109, Đường Võ Thị Thừa, khu phố 3, phường An Phú Đông, quận 12	1,040
10	Bệnh viện Quân y 175	668.00
11	Bệnh viện 1A.	546.00
12	Cơ sở Nguyễn Lương Bằng	332.10
13	Cơ sở Hoàng Diệu	360.19
14	Trung tâm phát triển CNC ĐH Nguyễn Tất Thành Khối N1:	15,820

1.13.2 Các khu vực học tập và hệ thống phòng học

Bảng 7. Hệ thống phòng phục vụ đào tạo

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	297	22656 m ²	

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	5938 m ²	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	5,015 m ²	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	142	13,294 m ²	
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	136	6,227 m ²	
1.5	Phòng học đa phương tiện	34	2,589 m ²	
1.6	Phòng máy tính	19	1,007 m ²	
1.7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	136	5,158 m ²	
2	Phòng chức năng			
2.1	Xưởng, phòng thực hành, thực tập, luyện tập	88	8,225 m ²	
2.2	Phòng thí nghiệm/thực nghiệm	55	5,583 m ²	
2.3	Phòng tập thể thao đa năng	2	345 m ²	
2.4	Văn phòng làm việc	100	3,416 m ²	
3	Các khu vực khác			
3.1	Ký túc xá	62	3,378 m ²	
3.2	Sân vận động	1	1,250 m ²	

1.13.3 Thông tin thư viện

Bảng 8. Thông tin thư viện

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Phòng đọc sách		4,814 m ²	
2	Phòng nghiên cứu			
3	Phòng hội nghị			
4	Phòng tập gym			
5	Khu tự học			
6	Phòng học nhóm			
7	Nhà sách			
8	Phòng đa phương tiện			
9	Phòng nghiên cứu khoa học			

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
10	Văn phòng thư viện			
11	Kho			

1.13.4 Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành học

Bảng 9. Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành Thiết kế nội thất

TT	Tên phòng	Chức năng	Học phần sử dụng
1	Phòng Vi tính	Học các môn Phần mềm chuyên ngành	AutoCad 2020, Sketchup 2020, 3dsmax 2020, Photoshop, AI, Indesign
2	Các phòng học thực hành	Học các môn thực hành	Đồ án, hội hoạ, mô hình

1.13.5 Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học

Bảng 10. Phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành Thiết kế nội thất

TT	Tên phần mềm	Học phần sử dụng
1	Autocad	Tin học chuyên ngành nội thất 1
2	Sketchup	Tin học chuyên ngành nội thất 2
3	3dsmax	Tin học chuyên ngành nội thất 3
4	Vray 3DS Max	Tin học chuyên ngành nâng cao
5	PTS, AI, ID	Tin học chuyên ngành nội thất 4

1.13.6 Cơ sở dữ liệu điện tử

Bảng 11. Cơ sở dữ liệu điện tử

TT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
1	ProQuest	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
2	SpringerLink	Đăng nhập tài khoản
3	IEEE Xplore	Đăng nhập tài khoản
4	ScienceDirect	Đăng nhập tài khoản
5	Scopus	Đăng nhập tài khoản
6	SAGE e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
7	Emerald e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
8	Springer Nature	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
9	IG Publishing eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
10	Directory of Open Access Book	Truy cập không cần đăng nhập

TT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
11	Directory of Open Access Journal	Truy cập không cần đăng nhập
12	Open Textbook Library	Truy cập không cần đăng nhập
13	BCCampus Open Textbook	Truy cập không cần đăng nhập
14	Credo Reference	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
15	Springer eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
16	Elsevier eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
17	Bộ Cơ sở dữ liệu Kinh tế - Tài chính – Vĩ mô của FiinPro (Gồm dữ liệu của 3200 doanh nghiệp, trong đó có 1700 doanh nghiệp đã niêm yết, 1500 doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết)	Truy cập tại NTTU

1.14 Dịch vụ hỗ trợ sinh viên

Bảng 12. Thông tin dịch vụ hỗ trợ sinh viên

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
1	Học thuật	<p>Phòng Quản lý đào tạo cung cấp thông tin về CTĐT, quy chế đào tạo; Hỗ trợ đăng ký học, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của sinh viên và cung cấp bảng điểm cho sinh viên; Cảnh báo học vụ khi sinh viên có kết quả học tập kém, đăng ký học phần quá ít, có nguy cơ không thể tốt nghiệp, không thể tốt nghiệp đúng hạn; Cấp bằng cho sinh viên tốt nghiệp;</p>	<p>Cung cấp thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết học phần, quy chế đào tạo; Hỗ trợ đăng ký học phần, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của sinh viên và cung cấp bảng điểm cho sinh viên; Tư vấn cho sinh viên về việc học, định hướng nghề nghiệp, các vấn đề và khó khăn trong cuộc sống; Theo dõi tình hình học tập của sinh viên và thông báo đến sinh viên các vấn đề liên quan; Hướng dẫn sinh viên liên hệ các đơn vị chức năng để giải quyết các vấn đề liên quan;</p>
		<p>Phòng Khoa học công nghệ Hỗ trợ sinh viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học;</p>	<p>Tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học;</p>

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		<p>Giới thiệu cho sinh viên các cơ hội và quỹ tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học;</p> <p>Hướng dẫn cách thức công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế;</p>	<p>Thông báo, giới thiệu cho sinh viên các cơ hội và quỹ tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học;</p> <p>Tổ chức các buổi hội thảo công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế</p>
		<p>Phòng Công tác sinh viên</p> <p>Ban hành và phổ biến Sổ tay sinh viên;</p> <p>Quản lý các câu lạc bộ, đội, nhóm học thuật và phi học thuật;</p> <p>Chủ trì/ phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục tuyên truyền dành cho SV.</p>	<p>Thành lập các câu lạc bộ hội nhóm để tăng các phong trào học thuật, văn hóa, nghệ thuật và thể thao...cho sinh viên</p> <p>Ban hành các văn bản hướng dẫn và quy chế nội bộ cho việc học tập của sinh viên</p>
		<p>Viện đào tạo elearning</p> <p>Xây dựng học liệu điện tử cho các học phần nhằm phục vụ nhu cầu học tập trực tuyến mọi lúc mọi nơi của Sinh viên;</p> <p>Xây dựng, quản trị và vận hành hệ thống học tập trực tuyến tạo môi trường học tập trực tuyến cho sinh viên;</p> <p>Xây dựng và triển khai các tài liệu hướng dẫn sinh viên tham gia học tập trực tuyến;</p> <p>Hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố cho sinh viên trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến;</p> <p>Tiếp nhận thông tin và phản ánh của Sinh viên về hệ thống học tập trực tuyến cũng như các vấn đề liên quan trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến;</p> <p>Hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật học tập trực tuyến;</p> <p>Hỗ trợ sinh viên trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến.</p>	<p>Xây dựng hệ thống thư viện, tài liệu học tập của khoa và giúp sinh viên dễ dàng truy cập và sử dụng, phục vụ cho mục đích học tập</p> <p>Theo dõi và hỗ trợ sát sao sinh viên trong quá trình học tập trực tuyến.</p> <p>Tổ chức dạy học trực tuyến đối với những môn học đặc thù.</p>
2	Tài chính và học bổng	<p>Phòng Công tác sinh viên</p> <p>Hỗ trợ sinh viên các thủ tục về miễn giảm học phí, xác nhận sinh viên để vay vốn ngân hàng, cấp học bổng dành cho</p>	<p>Giới thiệu cho sinh viên các chính sách về học phí và học bổng của nhà trường</p>

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		sinh viên theo quy định.	
3	Định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp	<p>Phòng Quan hệ doanh nghiệp và việc làm sinh viên</p> <p>Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp;</p> <p>Tổ chức các ngày hội tuyển dụng;</p> <p>Tìm kiếm các đơn vị tài trợ học bổng cho sinh viên;</p> <p>Tổ chức các khóa học khởi nghiệp, các cuộc thi khởi nghiệp, hỗ trợ sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp.</p>	<p>Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp;</p> <p>Tìm kiếm các đơn vị tài trợ học bổng cho sinh viên;</p> <p>Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp cho sinh viên.</p>
4	Ký túc xá	<p>Trung tâm dịch vụ và quản lý KTX phụ trách tiếp nhận và quản lý SV đăng ký ở tại KTX trường;</p> <p>Đoàn TN – Hội SV hỗ trợ sinh viên tìm kiếm nhà tuyển dụng.</p>	<p>Liên hệ chặt chẽ với trường để giới thiệu các chỗ ở, ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>Hỗ trợ sinh viên tìm việc làm và kết nối với doanh nghiệp;</p>
5	Dịch vụ tư vấn	<p>Phòng Công tác sinh viên</p> <p>Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa;</p> <p>Tiếp nhận và xử lý các trường hợp khen thưởng và kỷ luật SV theo quy định;</p> <p>Tiếp nhận và cập nhật thông tin ngoại trú dành cho SV;</p> <p>Tổ chức, đánh giá kết quả rèn luyện SV theo quy định;</p> <p>Thực hiện các thủ tục cấp giấy xác nhận SV (hoãn nghĩa vụ quân sự) và các loại xác minh thông tin SV khác theo quy định;</p> <p>Thực hiện các thủ tục cấp phát thẻ SV;</p> <p>Thực hiện các thủ tục về BHYT-BHTN dành cho SV theo quy định;</p> <p>Tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh viên;</p> <p>Tổ chức Khám sức khỏe cho sinh viên;</p> <p>Phối hợp Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động, chương trình hội thảo, chuyên đề liên quan đến sức khỏe sinh</p>	<p>Liên hệ chặt chẽ với trường để tư vấn cho sinh viên</p> <p>Hướng dẫn sinh viên làm các thủ tục nhận khen thưởng, xử lý kỷ luật.</p> <p>Tiếp nhận và cập nhật thông tin ngoại trú dành cho SV;</p> <p>Tổ chức, đánh giá kết quả rèn luyện SV theo quy định;</p>

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		viên; Phối hợp Trung tâm dịch vụ và Quản lý KTX trong vấn đề: vệ sinh trường học, phòng ngừa dịch bệnh.	
6	Thư viện	Quản lý và cung cấp giáo trình, tài liệu tham khảo, nguồn học liệu với và hỗ trợ sinh viên mượn tài liệu học tập.	Xây dựng hệ thống thư viện, tài liệu học tập của khoa và giúp sinh viên dễ dàng truy cập và sử dụng, phục vụ cho mục đích học tập
7	Hỗ trợ sinh viên quốc tế	<p>Trung tâm hỗ trợ sinh viên quốc tế</p> <p>Hỗ trợ sinh viên làm hồ sơ visa, hồ sơ đăng ký học tập và tạm trú tại Việt Nam;</p> <p>Phối hợp với khoa, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên hỗ trợ sinh viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường;</p> <p>Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa;</p> <p>Tổ chức các sự kiện văn hóa cho sinh viên quốc tế;</p> <p>Thực hiện công tác tuyển sinh sinh viên quốc tế hàng năm.</p> <p>- Thực hiện kế hoạch nhập học như chương trình lễ, viết hồ sơ, mua đồng phục, thẻ sinh viên cho Tân sinh viên quốc tế;</p> <p>- Thông báo nộp hồ sơ visa, trình các giấy tờ cho Ban Giám hiệu, hỗ trợ sinh viên làm hồ sơ Visa và đăng ký tạm trú tại Việt Nam web xuatnhapcanh.gov.vn;</p> <p>- Phối hợp với khoa, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên hỗ trợ sinh viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường;</p> <p>- Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa – văn nghệ - thể thao;</p>	<p>Khoa liên kết đào tạo với các trường quốc tế, hỗ trợ sinh viên học tập và giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống trong quá trình học tập tại trường;</p> <p>Liên hệ chặt chẽ với trường để hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên</p> <p>Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu, nghiên cứu khoa học và các cuộc thi học thuật giữa sinh viên trường và sinh viên quốc tế</p>

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		- Tổ chức các sự kiện văn hóa cho sinh viên quốc tế như tết cổ truyền, ngày lễ Quốc khánh và tổ chức dã ngoại; - Phối hợp Trung tâm Dịch vụ và Quản lý KTX hỗ trợ chỗ ở an toàn, an ninh cho sinh viên quốc tế;	

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy

- Kiến thức toàn khóa học: 142 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Các khối kiến thức trong chương trình đào tạo được thể hiện ở

Bảng 13. Các khối kiến thức và tín chỉ trong chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức		Tín chỉ		Tổng	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tỉ lệ lý thuyết/ Thực hành
			Bắt buộc	Tự chọn				
I	Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	13	0	13	195	0	0%
		Khoa học cơ bản	22	2	24	300	120	250%
II	Khối kiến thức cơ sở ngành		40	2	42	210	840	25%
III	Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu		54	2	56	390	630	62%
IV	Khối kiến thức tốt nghiệp		7	0	7	0	210	0%
	Tổng cộng		142	0	142			

Các khối kiến thức được thiết kế đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện ở

Bảng 14. Ma trận kết nối giữa các khối kiến thức với chuẩn đầu ra

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Khối kiến thức tổng quát	37	26,1%	x		x				x	x

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Khối kiến thức cơ sở ngành	42	29,5 %		x		x	x	x		
Khối kiến thức ngành/chuyên ngành/cốt lõi	56	39,4 %		x		x	x	x		
Khối kiến thức tốt nghiệp	7	5 %	x	x		x	x	x	x	

2.2 Danh sách các học phần

Bảng 15. Danh sách các học phần thuộc CTĐT ngành Thiết kế nội thất

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		13	195	0	390			
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	90		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	60	075580 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	60	075580 (a) 075581 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	60	075580 (a) 075584 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60	075580(a) 075581(a) 075582(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
6	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90			Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	77	72			Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
8	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	60		Thuyết giảng/ E-learning	Bài thi tự luận
II	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN		24	300	120	720			
	Bắt buộc:		22	270	120	660			
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	30	0	60	070006 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
3	073513	Khởi nghiệp	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
4	074920	Nhập môn Internet và E - learning	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
5	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
6	076721	Anh văn cấp độ 1	3	30	30	90		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
7	076722	Anh văn cấp độ 2	3	30	30	90	076721 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
8	076723	Anh văn cấp độ 3	3	30	30	90	076722 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
9	076724	Anh văn cấp độ 4	3	30	30	90	076723 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
	Tự chọn:		2	30	0	60			
1	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	072837	Xã hội học đại cương	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
III	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		98	600	1260	2400			
III.1	Kiến thức cơ sở ngành		42	210	840	1260			
	Bắt buộc:		40	210	780	1200			
1	073131	Nhập môn thiết kế nội thất	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
2	073137	Hội họa 1 (cơ bản)	2	0	60	60		Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
3	077109	Vẽ phác thảo và phối cảnh nội thất	2	0	60	60	073141 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
4	073141	Bài tập cơ sở 1 - Vẽ kỹ thuật	2	0	60	60		Thuyết giảng/	Đồ án

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
								Thực hành	
5	073142	Bài tập cơ sở 2 - Trang trí cơ bản	2	0	60	60	073141 (a)	Thuyết giảng/ Thực hành	Đồ án
6	073143	Bài tập cơ sở 3 - Trang trí cơ sở ngành	2	0	60	60	073142 (a)	Thuyết giảng/ Thực hành	Đồ án
7	077110	Bài tập cơ sở 4 - Vẽ ghi	2	0	60	60	073141 (a)	Thuyết giảng/ Thực hành	Đồ án
8	077111	Bài tập cơ sở 5 - Bố cục và trang trí chuyên ngành	3	0	90	90	073143 (a)	Thuyết giảng/ Thực hành	Đồ án
9	077112	Cấu tạo kiến trúc nội thất	3	30	30	90		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
10	077134	Chất liệu, vật liệu hoàn thiện	3	30	30	90		Thuyết giảng/ Thực hành	Bài tiểu luận, bài tập lớn
11	073145	Nguyên lý thị giác	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
12	077113	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
13	073136	Nguyên lý thiết kế nội thất	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
14	074149	Công thái học	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
15	074148	Tin học chuyên ngành nội thất 1 (Autocad)	2	0	60	60	073141 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
16	074150	Tin học chuyên ngành nội thất 2 (Sketchup)	2	0	60	60	074148 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
17	077114	Tin học chuyên ngành nội thất 3 (3DSMax)	3	0	90	90	074148 (a) 074150 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
18	077115	Tin học chuyên ngành nâng cao (Vray 3DS Max)	2	0	60	60	077114 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
Tự chọn:			2	0	60	60			
1	077116	Tin học chuyên ngành nội thất 4 (PTS, AI, ID)	2	0	60	60		Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
2	075144	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	0	60	60		Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
3	074156	Poster quảng cáo	2	0	60	60		Thuyết giảng/ thực hành	Bài tập lớn
III.2	Kiến thức chuyên ngành/ chuyên sâu/ cốt lõi ngành		56	390	630	1350			

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tin chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
Bắt buộc:			54	330	630	1290			
1	073148	Lịch sử nội thất 1 (phương Tây)	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
2	073158	Lịch sử nội thất 2 (phương Đông)	2	30	0	60	073148 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
3	077117	Phương pháp sáng tạo trong thiết kế	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
4	077118	Chuyên đề kiến trúc Nhà ở	2	0	60	60	077113 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
5	073151	Đồ án nội thất 1 – Công trình Nhà ở	2	0	60	60	073136 (a) 077118 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
6	077119	Đồ án nội thất 2 - Công trình Thương mại	2	0	60	60	073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
7	074776	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài thi tự luận
8	074154	Hình thành và diễn đạt ý tưởng nội thất	2	30	0	60	073136 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
9	077120	Đồ án nội thất 3 - Công trình Văn phòng	2	0	60	60	073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
10	074511	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30	0	60	074776 (a)	Thuyết giảng	Bài thi tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
11	077121	Đồ án nội thất 4 - Công trình Giáo dục	3	15	60	90	073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
12	077122	Đồ án nội thất 5 - Công trình dịch vụ	3	15	60	90	073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
13	077123	Chuyên đề Phong cách và xu hướng nội thất	2	30	0	60	073136 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
14	077124	Đồ án nội thất 6 - Công trình dịch vụ nghỉ dưỡng	3	15	60	90	073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
15	077125	Đồ án nội thất 7 - Công trình văn hóa	3	15	60	90	073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
16	077126	Đồ án Kiến trúc cảnh quan - Landscape design	2	0	60	60	077113 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án
17	077127	Chuyên đề Thiết kế không gian sự kiện (Event Design)	2	30	0	60	073136 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
18	077128	Chuyên đề Thiết kế chiếu sáng (Lighting Design)	2	30	0	60	077113 (a) 073136 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
19	077129	Đồ án Thiết kế trang thiết bị nội thất (Furniture Design)	3	0	90	90	077113 (a) 073136 (a)	Thuyết giảng/ thực hành	Đồ án

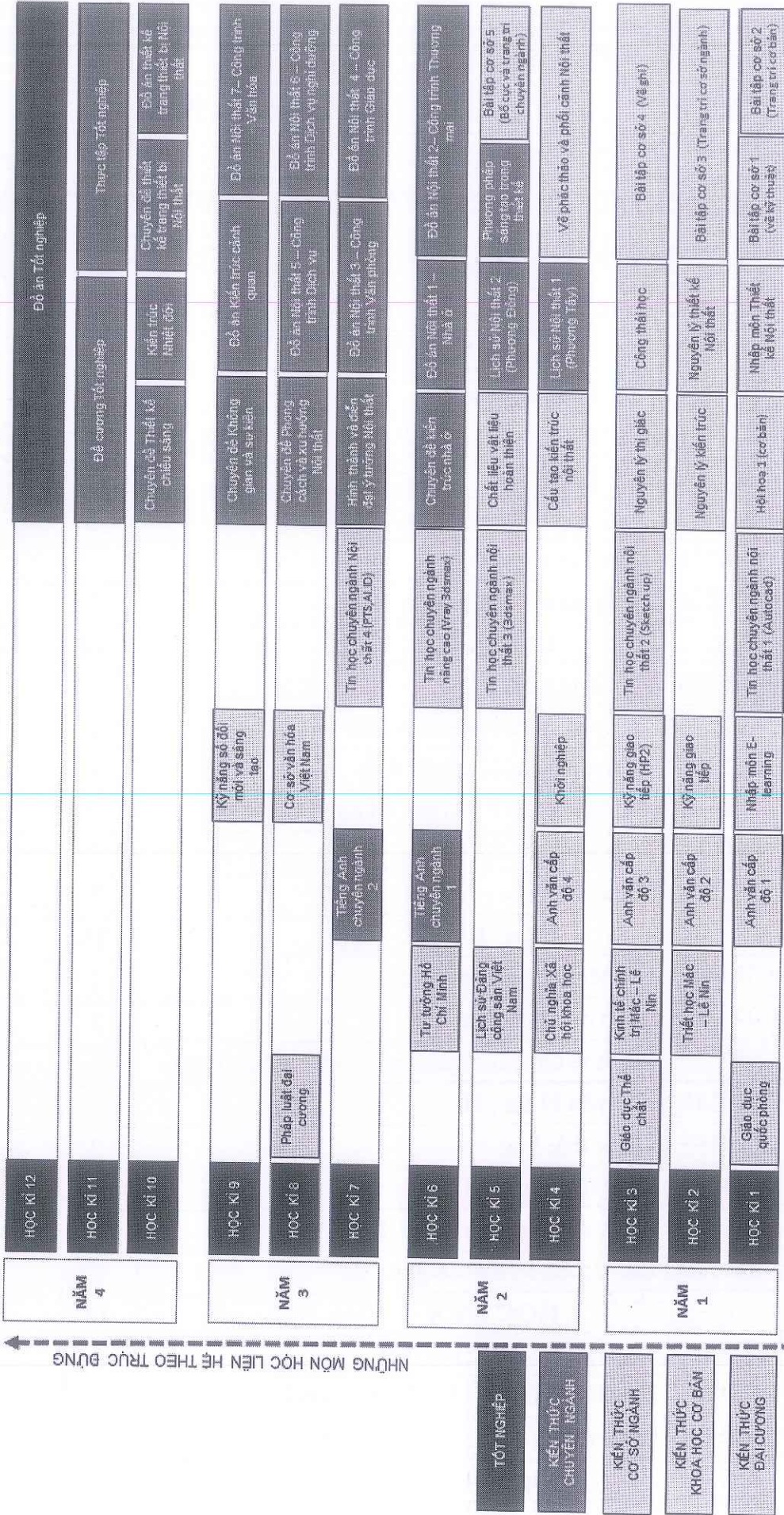
TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
							073151 (a) 077119 (a) 077120 (a) 077121 (a) 077122 (a) 077124 (a) 077125 (a)		
20	077130	Chuyên đề Thiết kế trang thiết bị nội thất (Furniture Design)	2	30	0	60		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
21	077131	Đề cương tốt nghiệp	3	45	0	90		Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
22	077132	Thực tập tốt nghiệp	6	0	180	180			
		Tự chọn:	4	60	0	120			
1	073164	Kiến trúc nhiệt đới	2	30	0	60	077113 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
2	073165	Kiến trúc và môi trường	2	30	0	60	077113 (a)	Thuyết giảng	Bài tiểu luận, bài tập lớn
IV	TỐT NGHIỆP		7	0	210				
1	077133	Đồ án tốt nghiệp	7	0	210	210	077131 (a)	Thuyết giảng/ Đồ án	Đồ án

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
							077132 (a)	thực hành	

2	077 125	3	Học kỳ 9	I	I	P	P	M	M	P	I	M	P	P	I	P	
3	077 126	2	Học kỳ 9				P	M						P			
4	077 127	2	Học kỳ 9		P	P	P	M						P	P	P	
HỌC KỲ 10																	
1	077 128	2	Học kỳ 10	P	P	P	M	M						P	M	M	
2	073 164	2	Học kỳ 10	M			M	M							M	M	
3	077 129	3	Học kỳ 10					M							M	M	
4	077 130	2	Học kỳ 10	P	P	P	M	M						P	M	M	

2.4 Sơ đồ hóa lộ trình học tập

SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THIẾT KẾ NỘI THẤT KHOA 2022



- TỐT NGHIỆP
- KẾT THÚC CHUYÊN NGÀNH
- KẾT THÚC CƠ SỞ NGÀNH
- KẾT THÚC KHOA HỌC CƠ BẢN
- KẾT THÚC ĐẠI CƯƠNG

2.5 Kế hoạch giảng dạy

Bảng 17. Kế hoạch học tập

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			15	
1	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	
2	073131	Nhập môn thiết kế nội thất	2	
3	073137	Hội hoạ 1 (cơ bản)	2	
4	073141	Bài tập cơ sở 1 - Vẽ kỹ thuật	2	
5	073142	Bài tập cơ sở 2 - Trang trí cơ bản	2	073141(a)
6	074148	Tin học chuyên ngành nội thất 1 (Autocad)	2	073141(a)
7	076721	Anh văn cấp độ 1	3	
8	074920	Nhập môn E-learning	2	
HỌC KỲ 2			14	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
2	077113	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	2	
3	073136	Nguyên lý thiết kế nội thất	2	
4	073143	Bài tập cơ sở 3 - Trang trí cơ sở ngành	2	073142(a)
5	076722	Anh văn cấp độ 2	3	076721(a)
6	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	
HỌC KỲ 3			15	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	070006(a)
2	070023	Giáo dục thể chất	5	
3	074150	Tin học chuyên ngành nội thất 2 (Sketchup)	2	074148(a)
4	073145	Nguyên lý thị giác	2	
5	074149	Công thái học	2	
6	076723	Anh văn cấp độ 3	3	076722(a)
7	075581	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	075580 (a)
8	077110	Bài tập cơ sở 4 - Vẽ ghi	2	073141(a)
HỌC KỲ 4			14	
1	077112	Cấu tạo kiến trúc nội thất	3	
2	077109	Vẽ phác thảo và phối cảnh nội thất	2	073141(a)
3	073148	Lịch sử nội thất 1 (phương Tây)	2	
4	076724	Anh văn cấp độ 4	3	076723(a)

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
5	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2	
6	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580(a) 075581(a)
HỌC KỲ 5			15	
1	073158	Lịch sử nội thất 2 (phương Đông)	2	073148(a)
2	077117	Phương pháp sáng tạo trong thiết kế	2	
3	077134	Chất liệu, vật liệu hoàn thiện	3	
4	077111	Bài tập cơ sở 5 - Bố cục và trang trí chuyên ngành	3	073143(a)
5	077114	Tin học chuyên ngành nội thất 3 (3DSMax)	3	074148(a) 074150(a)
6	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580(a) 075584(a)
HỌC KỲ 6			12	
1	077115	Tin học chuyên ngành nâng cao(Vray 3DS Max)	2	077114 (a)
2	077118	Chuyên đề kiến trúc Nhà ở	2	077113 (a)
3	073151	Đồ án nội thất 1 – Công trình Nhà ở	2	073136(a) 077118(a)
4	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580(a) 075581(a) 075582(a)
5	077119	Đồ án nội thất 2 - Công trình Thương mại	2	073136(a)
6	074776	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	
HỌC KỲ 7			13	
Bắt buộc:			11	
1	074154	Hình thành và diễn đạt ý tưởng nội thất	2	073136(a)
2	077120	Đồ án nội thất 3 - Công trình Văn phòng	2	073136(a)
3	074511	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	074776(a)
4	077121	Đồ án nội thất 4 - Công trình Giáo dục	3	073136(a)
5	073513	Khởi nghiệp	2	
Tự chọn:			2	
1	077116	Tin học chuyên ngành nội thất 4 (PTS, AI, ID)	2	
2	075144	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	
3	074156	Poster quảng cáo	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 8			10	
	Bắt buộc:		8	
1	077123	Chuyên đề Phong cách và xu hướng nội thất	2	073136(a)
2	077122	Đồ án nội thất 5 - Công trình dịch vụ	3	073136(a)
3	077124	Đồ án nội thất 6 - Công trình dịch vụ nghỉ dưỡng	3	073136(a)
	Tự chọn:		2	
1	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
2	072837	Xã hội học đại cương	2	
HỌC KỲ 9			9	
1	070011	Pháp luật đại cương	2	
2	077125	Đồ án nội thất 7 - Công trình văn hóa	3	073136(a)
3	077126	Đồ án Kiến trúc cảnh quan - Landscape design	2	077113(a)
4	077127	Chuyên đề Thiết kế không gian sự kiện (Event Design)	2	073136(a)
HỌC KỲ 10			9	
	Bắt buộc:		7	
1	077128	Chuyên đề Thiết kế chiếu sáng (Lighting Design)	2	077113(a) 073136(a)
2	077129	Đồ án Thiết kế trang thiết bị nội thất (Furniture Design)	3	077113 (a) 073136 (a) 073151 (a) 077119 (a) 077120 (a) 077121 (a) 077122 (a) 077124 (a) 077125 (a)
3	077130	Chuyên đề Thiết kế trang thiết bị nội thất (Furniture Design)	2	
	Tự chọn:		2	
1	073164	Kiến trúc nhiệt đới	2	077113 (a)
2	073165	Kiến trúc và môi trường	2	077113(a)
HỌC KỲ 11			9	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
1	077131	Đề cương tốt nghiệp	3	
2	077132	Thực tập tốt nghiệp	6	
HỌC KỲ 12			7	
1	077133	Đồ án tốt nghiệp	7	077131 (a) 077132 (a)

Lưu ý: Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.

2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học

2.6.1 Triết học Mác - Lê nin: 3 tín chỉ

Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2.6.2 Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

2.6.3 Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

2.6.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền

(1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.6.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

2.6.6 Giáo dục quốc phòng và an ninh: 8 tín chỉ - 165 tiết

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trang bị kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kiến thức về chủ nghĩa xã hội; kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Đồng thời cung cấp kiến thức về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, kiến thức về đội ngũ đơn vị; kiến thức chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; giới thiệu về bản đồ quân sự; cách thức phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Trang bị kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác; thực hành sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

2.6.7 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

Nội dung chương trình Giáo dục thể chất tập trung vào 2 phần cơ bản là bóng chuyền và bóng đá. Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho sinh viên.

2.6.8 Pháp luật đại cương: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật:

+ Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

+ Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

2.6.9 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa, nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ xưa cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc và văn hóa phương Tây.

2.6.10 Anh văn cấp độ 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Anh văn cấp độ 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

2.6.11 Anh văn cấp độ 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Anh văn cấp độ 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và ứng dụng thực tế các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

2.6.12 Anh văn cấp độ 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Anh văn cấp độ 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và ứng dụng thực tế các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

2.6.13 Anh văn cấp độ 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Anh văn cấp độ 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và ứng dụng thực tế các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

2.6.14 Kỹ năng giao tiếp: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

2.6.15 Kỹ năng giao tiếp (HP2): 2 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp chuyên sâu, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào giao tiếp trong cuộc sống, công việc và học tập. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, giao tiếp, thông báo, báo cáo Khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm chuyên sâu. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

2.6.16 Khởi nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

2.6.17 Nhập môn Internet và Elearning: 2 tín chỉ

Môn học "Nhập môn Internet và E-Learning" trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về Internet, cách thức sử dụng các dịch vụ trên internet để phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu và tự học. Qua môn học này người học hiểu và vận dụng được hình thức học tập trực tuyến (E-Learning) để phục vụ cho việc tự học và tham gia các loại hình đào tạo qua môi trường Internet. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Luật An ninh mạng của Nhà nước nhằm trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về Luật An Ninh Mạng để hạn chế việc vi phạm trong quá trình học tập nghiên cứu qua môi trường Internet.

2.6.18 Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo là học phần giới thiệu tổng quan về các kỹ năng về công nghệ thông tin như kỹ thuật đa phương tiện gồm website, hình ảnh, video, các chuẩn dữ liệu đảm bảo chất lượng truyền thông, ứng dụng tương tác qua công nghệ số, chia sẻ, tham gia, quản lý kỹ năng số, mạng công cộng. Bên cạnh đó, ứng dụng kỹ năng số vào đổi mới sáng tạo là công cụ thiết yếu để cập nhật sự phát triển các công nghệ phù hợp cho sự phát triển của xã hội ngày nay.

2.6.19 Nhập môn thiết kế nội thất: 2 tín chỉ

Nội dung: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về kiến trúc - nội thất: khái niệm kiến trúc nội thất, các vấn đề liên quan đến thiết kế nội thất, tên gọi của

các cấu kiện, các bộ phận công trình trong kiến trúc và nguyên lý hoạt động của nó. Các kiến thức cơ bản về kích thước, bố cục, trật tự sắp đặt, về không gian, và ứng dụng của nó trong phương pháp tư duy thiết kế kiến trúc nội thất.

Qua các hoạt động thảo luận, ứng dụng các kiến thức từ thực tế, sinh viên hiểu được tỉ lệ nhân tính, hoạt động của con người trong công trình kiến trúc, trong không gian nội thất. Các phương pháp làm việc cơ bản, phương pháp tư duy sáng tạo và trình tự làm việc, nghiên cứu của người thiết kế kiến trúc nội thất.

2.6.20 Hội họa 1: 2 tín chỉ

Học phần chia làm 2 phần: vẽ tĩnh vật cơ bản và vẽ phong cảnh. Việc nắm vững kiến thức của Học phần này là điều kiện để sinh viên tiếp tục học học phần “Vẽ phác thảo và phối cảnh nội thất”

2.6.21 Vẽ phác thảo và phối cảnh nội thất: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho Sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành về các dạng phối cảnh trong không gian và qua đó sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng thiết kế bằng các bản vẽ phác thảo phối cảnh và phác thảo bản vẽ 2d. Sinh viên cũng được học cách trình bày, diễn đạt, sắp xếp các bản vẽ phác thảo và phối cảnh một cách mạch lạc, phục vụ cho việc phát triển của quá trình tư duy khi thiết kế.

2.6.22 Bài tập cơ sở 1: 2 tín chỉ

Nội dung: Đường nét – chữ số

Học phần thực hành bảng vẽ kỹ thuật: trình bày bản vẽ, đường nét, chữ số, tỉ lệ, hình chiếu vuông góc, phương pháp sử dụng các họa cụ thường dùng... Qui cách thiết lập các hình chiếu cơ bản của một công trình kiến trúc. Giới thiệu qui trình lập hồ sơ thiết kế một công trình từ hồ sơ thiết kế sơ bộ đến hồ sơ thiết kế triển khai.

2.6.23 Bài tập cơ sở 2 - Trang trí cơ bản: 2 tín chỉ

Nội dung: Bố cục tạo hình trên diện phẳng

- Giúp sinh viên nắm được các kiến thức về bố cục tạo hình trên diện phẳng.
- Định hướng thẩm mỹ, cung cấp kiến thức cơ bản về màu sắc và nguyên tắc bố cục trên mặt phẳng.
- SV tự chọn một đối tượng mà bản thân yêu thích là động vật hay thực vật; thực hiện tả thực đối tượng này. Sau khi hiểu về đặc điểm và cấu trúc của đối tượng, SV sẽ tiến hành thực hiện bài tập cách điệu đối tượng theo 2 thủ pháp cách điệu nét và cách điệu mảng.

2.6.24 Bài tập cơ sở 3 - Trang trí cơ sở ngành: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, phân loại của khối, các quy luật tạo hình, các dấu hiệu thị giác của khối. Qua học phần, sinh viên nắm vững phương pháp tạo hình và có khả năng tư duy về khối trên các diện, các hướng và chiều sâu không gian nhằm ứng dụng cho đồ án chuyên ngành. Hướng dẫn sinh viên thực hành các bài tập trên mô hình.

2.6.25 Bài tập cơ sở 4 - Vẽ ghi: 2 tín chỉ

Nội dung: Vẽ ghi nội thất

- Giúp sinh viên nắm được kỹ năng vẽ ghi các thông tin hiện trạng và thể hiện bằng bản vẽ, lấy đó làm cơ sở thiết kế
- Hiểu được tinh thần của không gian hiện trạng, học được từ công trình hiện có để làm dữ liệu thiết kế nội thất

2.6.26 Bài tập cơ sở 5 - Bố cục và trang trí chuyên ngành: 3 tín chỉ

Tiếp nối học phần Bài tập cơ sở 3. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, phân loại của khối, các quy luật tạo hình, các dấu hiệu thị giác của khối. Qua học phần, sinh viên nắm vững phương pháp tạo hình và có khả năng tư duy về khối trên các diện, các hướng và chiều sâu không gian nhằm ứng dụng cho đồ án chuyên ngành. Hướng dẫn sinh viên thực hành các bài tập trên mô hình tỉ lệ 1:1.

2.6.27 Cấu tạo kiến trúc nội thất: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về các bộ phận cấu tạo trong công trình kiến trúc và nguyên tắc liên kết giữa chúng để hình thành công trình; đảm bảo cho công trình kiến trúc ổn định, bền vững; đáp ứng yêu cầu tạo lập không gian kiến trúc và chống lại các tác động bất lợi từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trong quá trình sử dụng công trình.

2.6.28 Chất liệu, vật liệu hoàn thiện: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này nối tiếp học phần Cấu tạo kiến trúc nội thất, cung cấp các kiến thức chủ yếu về các thông số cấu tạo, vai trò và nguyên lý áp dụng của các loại vật liệu xây dựng và thành phần nội thất; học phần cũng cung cấp kiến thức và kỹ năng thể hiện bản vẽ kỹ thuật thi công trong công tác thiết kế nội thất theo tiêu chuẩn.

2.6.29 Nguyên lý thị giác: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các nguyên lý căn bản, kiến thức cơ sở để tổ chức bố cục trên mặt phẳng, thông qua ngôn ngữ thị giác về điểm, tuyến, hình nền, các hình học cơ bản, các dạng bố cục, các nguyên lý về màu sắc. Sinh viên hiểu qui trình và phương pháp thực hiện một thiết kế mỹ thuật ứng dụng, phương pháp phác thảo, chọn và triển khai thực hiện bài tập. Kiến thức cơ bản này định hướng cho sinh viên tự nghiên cứu sáng tạo, làm nền tảng cho sự phát triển và nâng cao trình độ thẩm mỹ của sinh viên trong những học phần khác và nghề nghiệp trong tương lai.

2.6.30 Nguyên lý thiết kế kiến trúc: 2 tín chỉ

Nội dung:

- Xác định rõ Các khái niệm về kiến trúc và phân loại các công trình kiến trúc công cộng. Các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn trong thiết kế Xây dựng.
- Các nguyên tắc chung khi thiết kế một công trình kiến trúc công cộng.
- Các phương pháp thiết kế kiến trúc cho các thể loại công trình công cộng.
- Hiểu rõ các Không gian công năng và các nguyên tắc thiết kế cho các không gian này.
- Các nguyên tắc cơ bản để tổ hợp không gian và bố cục mặt bằng kiến trúc.
- Các Nguyên tắc cơ bản khi thiết kế tổ chức giao thông bên trong và bên ngoài công trình kiến trúc.

- Các nguyên tắc cơ bản để tổ hợp hình khối không gian và thiết kế mặt đứng kiến trúc.
- Các nguyên tắc cơ bản khi thiết kế an toàn thoát người trong công trình kiến trúc
- Các vấn đề kỹ thuật và trang thiết bị cần thiết cho sự hoạt động của công trình có ảnh hưởng.

2.6.31 Nguyên lý thiết kế nội thất: 2 tín chỉ

Nội dung: Giới thiệu khái lược về lịch sử và các phong cách nội thất. Nêu rõ khái niệm về thiết kế nội thất bao gồm tất cả nội dung kiến trúc không gian nội thất bên trong cũng như bên ngoài. Vận dụng các kiến thức cơ sở văn hóa, mỹ thuật, kỹ thuật để sáng tác nội thất. Có kỹ năng thực hiện thành thạo các bước trong quy trình thiết kế; Có kỹ năng phân tích thể loại công trình, đối tượng sử dụng, tổ chức không gian, ngôn ngữ tạo hình trong các đồ án thiết kế nội thất. Có kỹ năng thể hiện được ý đồ thiết kế nội thất cho những không gian nội thất cụ thể.

2.6.32 Công thái học: 2 tín chỉ

Nội dung: Ergonomics là môn khoa học liên ngành, được cấu thành từ các khoa học về con người. Ergonomics giúp sinh viên hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa con người (sức khỏe) với môi trường (sự an toàn và thuận tiện) để tạo sự phù hợp, thuận tiện trong mọi hoạt động lao động, sinh hoạt, vui chơi ... của con người. Ergonomics đem lại những kiến thức cơ bản nhất của các môn khoa học về con người như: tâm sinh lý lao động, nhân trắc học, âm học, nhiệt, chiếu sáng, màu sắc, ... rất ích lợi cho các chuyên ngành về tạo dáng công nghiệp, đồ họa, thiết kế nội thất và ngay cả thời trang của khoa Mỹ thuật công nghiệp. Áp dụng đúng Ergonomics trong thiết kế sẽ giúp sản phẩm ra đời đạt hiệu quả cao về kinh tế, đảm bảo sức khỏe người sử dụng, tăng năng suất lao động, giảm tỉ lệ phế phẩm và hạ giá thành sản phẩm.

2.6.33 Tin học chuyên ngành nội thất 1 (Autocad): 2 tín chỉ

Nội dung: Ứng dụng sáng tạo công nghệ vẽ kỹ thuật vào chuyên ngành nội thất. Ứng dụng của phần mềm Autocad trong việc thể hiện sản phẩm thiết kế qua các giai đoạn phương án và khai triển bản vẽ kỹ thuật. Giới thiệu về phần mềm Auto CAD, cách thức sử dụng phần mềm này để xây dựng các hình chiếu thẳng góc của công trình theo các hệ trục đo lường trên máy tính. Quy cách trình bày các hình chiếu kiến trúc, Cách xuất bản vẽ khi in ấn.

2.6.34 Tin học chuyên ngành nội thất 2 (Sketchup): 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng trình bày và thể hiện các bản vẽ kiến trúc, xây dựng với sự trợ giúp của phần mềm ứng dụng trên máy tính, cụ thể là phần mềm Sketchup. Học phần bao gồm giới thiệu về phần mềm Sketchup, cách thức sử dụng phần mềm này để xây dựng mô hình ba chiều của công trình, ứng dụng phần mềm trong việc thiết kế hình thức kiến trúc của công trình, trích xuất dữ liệu thiết kế sang các phần mềm hỗ trợ khác.

2.6.35 Tin học chuyên ngành 3 (3 DSMax): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về cách dựng mô hình không gian kiến trúc và các vật dụng nội thất. Các thiết lập thông số ánh sáng, chất liệu tiêu chuẩn có sẵn trong 3DS Max cho khung cảnh nội và ngoại thất. Render xuất ảnh khung cảnh vừa tạo được.

Xây dựng mô hình không gian kiến trúc nội và ngoại thất qua các chức năng tạo hình, biến hình cơ bản của phần mềm 3DS Max. Việc áp vật liệu, thiết lập các thông số chiếu

sáng, camera tiêu chuẩn giúp thiết lập một khung cảnh không gian kiến trúc nội và ngoại thất. Khi hoàn chỉnh các thiết lập sinh viên sẽ Render và xuất ảnh cho khung cảnh đã thiết lập.

Nắm vững được phương pháp, cách sử dụng các phần mềm máy tính phục vụ cho việc trình bày các bản vẽ phối cảnh chuyên ngành kỹ thuật xây dựng, kiến trúc. Sử dụng thành thạo các lệnh dựng hình cơ bản. Biết sử dụng các công cụ này để phục vụ cho việc thể hiện các bản vẽ trên máy tính, mô tả các hình khối của vật thể, không gian 3 chiều một cách chính xác.

Nhận thức được vai trò quan trọng của công nghệ tin học trong việc hỗ trợ cho các lĩnh vực kỹ thuật xây dựng, kiến trúc. Luyện tập được tính tỉ mỉ, làm việc chính xác, khoa học. Thấy được tư duy logic là cần thiết đối với những người làm công tác kỹ thuật.

2.6.36 Tin học chuyên ngành nâng cao (Vray 3DS Max): 2 tín chỉ

Phần tiếp theo của Tin học chuyên ngành 3 (3 DSMax). Hướng dẫn sinh viên cách dùng phần mềm Vray để thiết lập khung cảnh giống thật nhằm phục vụ cho việc thiết kế.

2.6.37 Tin học chuyên ngành nội thất 4 (PTS, AI, ID): 2 tín chỉ

Nội dung: Hướng dẫn ứng dụng thực tế các phần mềm đồ họa 2D xử lý ảnh raster Photoshop và vector InDesign nhằm phục vụ cho nhu cầu bố cục, dàn trang in. Phần thực hành luyện tập cách xử lý hình ảnh và tạo một portfolio dự án thiết kế.

2.6.38 Lịch sử nội thất 1 (phương Tây): 2 tín chỉ

Nội dung: Giúp sinh viên nắm được lịch sử hình thành, quan điểm thiết kế và những xu hướng, trường phái, phong cách Design, một số tác giả và tác phẩm quan trọng trong từng thời kỳ nghệ thuật phương Tây.

2.6.39 Lịch sử nội thất 2 (phương Đông): 2 tín chỉ

Nội dung: Hệ thống các bài giảng bao gồm nội dung 7 chương bao quát lịch sử thiết kế nội thất từ thời nguyên thủy khởi đầu của nghệ thuật nói chung trải qua thời kỳ văn minh tiền công nghiệp cho tới thời hiện đại từ cách mạng công nghiệp tới nay dưới góc nhìn ngôn ngữ hình thức nội thất đạt tới phong cách điển hình đặc trưng cho từng thời kỳ (cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại), từng giai đoạn (nửa đầu, nửa cuối thế kỷ 20) hay phong cách mang bản sắc văn hóa văn minh (Ai Cập, Lưỡng Hà, Hi Lạp, La Mã, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam...), vùng miền (phương Đông, phương Tây, Bắc Âu...), tôn giáo (Hindu giáo, Phật giáo, Cơ đốc giáo, Islam...), những phong cách nghệ thuật chính thống (Cổ điển, Tân cổ điển, Nghệ thuật mới, Chủ nghĩa hiện đại, De Stijl, Chủ nghĩa công năng, Trang trí Nghệ thuật, Chủ nghĩa Tối giản, Hậu hiện đại, Hi-Tech...) trong mối quan hệ với phong cách kiến trúc, nghệ thuật trang trí, xử lý chất liệu, chế tác đồ đạc... về các mặt khái niệm, loại hình, lịch sử hình thành và phát triển của phong cách, đặc điểm đặc trưng của phong cách, tác giả-tác phẩm tiêu biểu và ảnh hưởng của phong cách.

2.6.40 Phương pháp sáng tạo trong thiết kế: 2 tín chỉ

Nội dung:

- GIỚI THIỆU VỀ SÁNG TẠO/ Introduction to Creative Thinking
 - Vì sao chúng ta “bỏ lỡ” sáng tạo?
 - Sáng tạo một cách tự nhiên: Sức ý tâm lý/ Phương pháp Thử và sai
 - Phương pháp sáng tạo, TRIZ- con đường ngắn hơn để đạt ý tưởng độc đáo.

- **CÁC THỦ THUẬT SÁNG TẠO CỦA ALTSHULLER & ỨNG DỤNG TRONG THIẾT KẾ/ Creative Thinking Principles from Altshuller & Applications in Architectural Design**

- 40 thuật sáng tạo (TRIZ) của Altshuller.
- Các ứng dụng của thuật sáng tạo trong các ngành thiết kế và thiết kế Kiến trúc

2.6.41 Chuyên đề kiến trúc Nhà ở: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế nhà ở thấp tầng (biệt thự, liên kế);

- Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc ứng dụng thực tế một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng được xây dựng dần lên theo từng tuần thành một tổng thể các kỹ năng ứng dụng cần thiết
- Sinh viên được yêu cầu lập một hồ sơ thiết kế cho một công trình nhà ở thấp tầng (biệt thự, liên kế). Thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, sinh viên nắm được cách thức áp dụng các quy định và quy trình liên quan đến việc lập một đồ án thiết kế;
- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu

2.6.42 Đồ án nội thất 1 (nhà ở): 2 tín chỉ

Nội dung:

- Phần 1: Thiết kế đồ đạc, thiết bị nội thất
- Tìm hiểu về đồ đạc trong không gian chức năng của kiến trúc nội thất nhà ở.
- Nắm vững quy chuẩn thiết kế liên quan đến thiết bị đồ đạc trong nhà ở
- Thực hiện thiết kế kiểu dáng, khai triển kỹ thuật, diễn họa phối cảnh về sản phẩm chọn
- Nắm vững ứng dụng thực tế phần 1 là điều kiện để SV tiếp tục thực hiện phần 2 của đồ án
- Phần 2: Thiết kế nội thất nhà ở
- Nắm vững quy chuẩn thiết kế liên quan đến loại hình nhà ở
- Nghiên cứu chuyên sâu một trong hai loại nhà biệt thự hay chung cư cao tầng
- Thực hiện hoàn chỉnh thiết kế một nhóm đồ đạc nội thất và nội thất một căn hộ gia đình
- Nắm vững kiến thức và ứng dụng thực tế đạt yêu cầu đồ án 1 là điều kiện để SV tiếp tục thực hiện các đồ án kế tiếp trong chương trình đào tạo chuyên ngành: đồ án sân vườn biệt thự...

2.6.43 Đồ án nội thất 2 - Công trình Thương mại: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về thiết kế trang thiết bị dạng module và không gian nội thất mang tính linh hoạt, phù hợp với nhiều dạng mặt bằng khác nhau. Giúp sinh viên Nắm vững các nguyên tắc chung về phân khu chức năng, tổ chức không gian, qui chuẩn thiết kế cho nội thất cửa hàng.

- Hiểu rõ quy trình từ phân tích đến đề xuất giải pháp nhằm xây dựng bộ hướng dẫn thiết kế cho cửa hàng dạng chuỗi.
- Thành thạo trong việc thiết kế trang thiết bị dạng module và không gian nội thất mang tính linh hoạt, phù hợp với nhiều dạng mặt bằng khác nhau.
- Biết vận dụng các ngôn ngữ quảng cáo trong nội thất cửa hàng như đồ họa PEOster, đồ họa chữ và bộ nhận diện của một thương hiệu.
- Nhận thức được vai trò và vị trí của thiết kế nội thất trong phát triển kinh doanh và quảng bá thương hiệu
- Xác định được thứ tự ưu tiên cần đạt được trong quá trình xây dựng thiết kế nội thất cửa hàng dạng chuỗi
- Tìm hiểu và xây dựng phương án thiết kế nội thất thương mại (cửa hàng, showroom) cho một thương hiệu cụ thể, bao gồm cả việc xây dựng bộ nhận diện cho thương hiệu.
- Phát triển phương án thiết kế theo dạng linh hoạt để phù hợp với hệ thống cửa hàng dạng chuỗi, có thể áp dụng vào nhiều dạng mặt bằng và vị trí khác nhau, đáp ứng với xu thế thiết kế hiện đại trong thương mại.

2.6.44 Đồ án nội thất 3 - Công trình Văn phòng: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này thuộc nhóm đồ án chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về phân loại, qui mô, dây chuyền chức năng, tổ chức không gian chung của công trình Cao ốc Văn phòng. Giới thiệu các qui chuẩn, các nguyên tắc thiết kế ảnh hưởng đến giải pháp nội thất. Tìm hiểu tổng quan về cơ cấu tổ chức công ty, các đặc điểm và hoạt động của các nhóm đối tượng sử dụng làm cơ sở cho giải pháp công năng và thẩm mỹ phù hợp.

- Qua đồ án sinh viên ứng dụng thực tế thiết kế nội thất một Văn phòng trong toà nhà cao ốc với các không gian chức năng cơ bản, đảm bảo các yêu cầu làm việc thoải mái tiện nghi và mang tính thẩm mỹ tốt.
- Nắm vững những qui chuẩn và nguyên tắc thiết kế nội thất công trình Cao ốc Văn phòng.
- Nắm vững các kiến thức cơ bản về phân khu chức năng, các hoạt động chính của người sử dụng trong công trình làm cơ sở cho giải pháp công năng trong thiết kế nội thất.
- Nắm vững các yêu cầu chuyên biệt của dạng công trình, đặc điểm tâm lý của các nhóm đối tượng sử dụng làm cơ sở cho giải pháp thẩm mỹ phù hợp.
- Thành thạo các bước phân tích về: loại hình, đối tượng sử dụng, tổ chức không gian, đặc điểm kỹ thuật, văn hoá, ngôn ngữ tạo hình liên quan đến đề tài thiết kế. Biết cách áp dụng các ý tưởng và có kỹ năng thể hiện ý tưởng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của thiết kế nội thất đối với hình ảnh doanh nghiệp, luôn có tinh thần phân tích đối tượng kiến trúc – nội thất.

2.6.45 Tiếng Anh chuyên ngành 1: 2 tín chỉ

Nội dung:

- Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các yếu tố thiết kế, nguyên lý thiết kế, màu sắc, vật liệu nội thất - ngoại thất, quá trình thiết kế, ánh sáng trong không gian, phụ kiện trang trí nội - ngoại thất, không gian nội thất cho từng nhu cầu cụ thể và nội thất cộng đồng

- Ngoài ra, học phần giới thiệu những đặc điểm ngữ pháp xuất hiện với tần số cao trong văn bản tiếng Anh chuyên ngành: dạng bị động, danh hóa, quá trình thành lập từ... Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày các loại kết cấu của một văn bản: đặt vấn đề - giải quyết vấn đề, nguyên nhân - kết quả, trình tự thời gian, tổng quát - chi tiết

- Hiểu được kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở bình diện cụm từ, mệnh đề và câu một cách có hệ thống; nắm vững một số thuật ngữ về chuyên ngành Thiết kế nội thất.

- Vận dụng được kiến thức từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh khoa học vào quá trình đọc hiểu văn bản tiếng Anh chuyên ngành; biết cách thể hiện ý tưởng thông qua kỹ năng viết và nói tiếng Anh ở trình độ nhất định

2.6.46 Tiếng Anh chuyên ngành 2: 2 tín chỉ

Nội dung:

- Học phần tập trung vào các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các yếu tố thiết kế, nguyên lý thiết kế, màu sắc, vật liệu nội thất - ngoại thất, quá trình thiết kế, ánh sáng trong không gian, phụ kiện trang trí nội - ngoại thất, không gian nội thất cho từng nhu cầu cụ thể và nội thất cộng đồng. Ngoài ra, học phần giới thiệu những đặc điểm ngữ pháp xuất hiện với tần số cao trong văn bản tiếng Anh chuyên ngành: dạng bị động, danh hóa, quá trình thành lập từ... Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày các loại kết cấu của một văn bản: đặt vấn đề - giải quyết vấn đề, nguyên nhân - kết quả, trình tự thời gian, tổng quát - chi tiết.

2.6.47 Hình thành và diễn đạt ý tưởng nội thất: 2 tín chỉ

Nội dung: Thông qua những đồ án Nội thất đã được thiết kế, các công trình Nội thất kiến trúc thực tế đã được thực hiện, học phần này giới thiệu các công đoạn, thao tác cơ bản trong việc hình thành & phát triển Ý TƯỞNG THIẾT KẾ NỘI THẤT, bao gồm:

• Giới thiệu những cách thức tiếp cận cần thiết để phân tích, đánh giá một công trình kiến trúc thực tế hoặc một đồ án kiến trúc trước khi khai triển thiết kế nội thất. Những nội dung chính cần quan tâm là:

- Phân tích khía cạnh công năng sử dụng;
- Phân tích khía cạnh phong cách của kiến trúc;
- Phân tích khía cạnh kết cấu;
- Phân tích, làm rõ ưu – nhược điểm của những khía cạnh trên đối với việc đề xuất giải pháp thiết kế nội thất;

• Giới thiệu những cách thức tiếp cận cần thiết để hình thành Ý TƯỞNG THIẾT KẾ NỘI THẤT một đồ án kiến trúc hoặc một công trình kiến trúc thực tế. Những nội dung chính cần quan tâm là:

- Quan niệm về công trình - ý tưởng chính của đồ án (design concept)
- Phân tích những nhân tố liên quan đến việc hình thành Ý TƯỞNG THIẾT KẾ NỘI THẤT: Nhân tố văn hóa - xã hội; Hình tượng – biểu tượng; Tác động giác quan; Nhân tố kỹ thuật.

2.6.48 Đồ án nội thất 4 - Công trình Giáo dục: 3 tín chỉ

Đồ án Giáo dục cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng và tổ chức không gian hoạt động trong công trình giáo dục các cấp tại Việt Nam (nhà trẻ - mẫu giáo; tiểu học; trung học cơ sở và trung học phổ thông; trường trung học chuyên nghiệp và trường nghề; cao đẳng; đại học). Thông qua yêu cầu đồ án, sinh viên tự đặt ra nhiệm vụ thiết kế và

nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu theo từng đề tài riêng biệt (kiến thức về thể chất và tâm lý lứa tuổi, đặc thù ngành nghề đào tạo,...), nhằm đề xuất giải pháp thiết kế một công trình giáo dục cụ thể.

2.6.49 Đồ án nội thất 5 - Công trình dịch vụ: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về thiết kế trang thiết bị dạng module và không gian nội thất mang tính linh hoạt, phù hợp với nhiều dạng mặt bằng khác nhau. Giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc chung về phân khu chức năng, tổ chức không gian, qui chuẩn thiết kế cho nội thất công trình dịch vụ.

- Hiểu rõ quy trình từ phân tích đến đề xuất giải pháp nhằm xây dựng bộ hướng dẫn thiết kế cho cửa hàng dạng chuỗi.
- Thành thạo trong việc thiết kế trang thiết bị dạng module và không gian nội thất mang tính linh hoạt, phù hợp với nhiều dạng mặt bằng khác nhau.
- Biết vận dụng các ngôn ngữ quảng cáo trong nội thất cửa hàng như đồ họa poster, đồ họa chữ và bộ nhận diện của một thương hiệu.
- Nhận thức được vai trò và vị trí của thiết kế nội thất trong phát triển kinh doanh và quảng bá thương hiệu
- Xác định được thứ tự ưu tiên cần đạt được trong quá trình xây dựng thiết kế nội thất cửa hàng dạng chuỗi
- Tìm hiểu và xây dựng phương án thiết kế nội thất thương mại (cửa hàng, showroom) cho một thương hiệu cụ thể, bao gồm cả việc xây dựng bộ nhận diện cho thương hiệu.
- Phát triển phương án thiết kế theo dạng linh hoạt để phù hợp với hệ thống cửa hàng dạng chuỗi, có thể áp dụng vào nhiều dạng mặt bằng và vị trí khác nhau, đáp ứng với xu thế thiết kế hiện đại trong công trình dịch vụ.

2.6.50 Chuyên đề nội thất 2 (Phong cách & Xu hướng nội thất): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần giới thiệu các quan điểm cơ bản và bối cảnh hình thành các xu hướng - phong cách thiết kế nội thất đương đại. Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu để minh họa cho phần lý thuyết, đồng thời làm rõ những cách thức tiếp cận phong phú của mỗi cá nhân hoặc nhóm tác giả.

2.6.51 Đồ án nội thất 6 - Công trình dịch vụ nghỉ dưỡng: 3 tín chỉ

Nội dung: Học phần thuộc nhóm đồ án chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về phân loại, qui mô, dây chuyền chức năng, tổ chức không gian chung của công trình Khách sạn. Giới thiệu các qui chuẩn, các nguyên tắc thiết kế ảnh hưởng đến giải pháp công năng nội thất. Tìm hiểu tổng quan về cách xếp hạng khách sạn, các đặc điểm khác nhau của các loại hình khách sạn làm cơ sở cho giải pháp thẩm mỹ phù hợp với từng loại hình.

2.6.52 Đồ án nội thất 7 - Công trình văn hóa: 3 tín chỉ

Nội dung:

- Giới thiệu cho sinh viên kiến thức tổng quan về lịch sử, sự thay đổi về quan niệm và cách thức trưng bày vật phẩm trong công trình triển lãm, bảo tàng
- Giới thiệu việc bố trí dây chuyền công năng và các giải pháp về chiếu sáng trưng bày và cách bố cục hình khối không gian kiến trúc

- Sinh viên trên cơ sở đã được cung cấp đánh giá lại hiện trạng các công trình trưng bày, bảo tàng tại Việt Nam và đưa ra những giải pháp thiết kế cải tạo của một công trình cụ thể (làm việc theo nhóm)

2.6.53 Đồ án Kiến trúc cảnh quan - Landscape design: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này giới thiệu cho sinh viên bản chất, đối tượng nghiên cứu, các loại hình chính của Kiến trúc cảnh quan, chuyên sâu vào vấn đề Kiến trúc Cảnh quan đô thị và những vấn đề liên quan. Ngoài phần cơ sở lý thuyết căn bản, học phần còn cung cấp các phương pháp ứng dụng thực tế trong quy hoạch cảnh quan đô thị.

2.6.54 Chuyên đề Thiết kế không gian sự kiện (Event Design): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát bao gồm những khái niệm, định nghĩa về tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện, các hạng mục công việc cụ thể tương ứng với đội ngũ nhân sự tham gia tổ chức sự kiện mang tính thực tế ngoài xã hội. Học phần đề cập đến phương pháp xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện, qua đó nhấn mạnh vào công việc thiết kế không gian sự kiện và vai trò cụ thể của người thiết kế nội thất với sự tham gia tư vấn và truyền đạt kinh nghiệm của các chuyên gia trong lĩnh vực này. Thông qua bài giảng lý thuyết trang bị cho sinh viên trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu lĩnh vực văn hóa và sự kiện, qua đó tạo điều kiện cho sinh viên tương tác tốt trong môi trường văn hóa đại chúng

2.6.55 Chuyên đề Thiết kế chiếu sáng (Lighting Design): 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm quang học cơ bản, các thông số kỹ thuật liên quan tới ánh sáng, các hình thức chiếu sáng cũng như hiệu quả chiếu sáng trong không gian nội thất.

Giúp sinh viên tính toán khối lượng ánh sáng sử dụng trong từng không gian, nhận biết các loại đèn và công nghệ chiếu sáng.

Hướng dẫn sinh viên thực hiện một hồ sơ thiết kế chiếu sáng của một không gian, thực hiện trải nghiệm thực tế bằng mô hình show-window, show-door với tỉ lệ 1:1.

Giúp sinh viên thực hành quy tắc chiếu sáng áp dụng vào thiết kế và triển khai, lĩnh hội giá trị nghệ thuật chiếu sáng và phát triển sự sáng tạo. Làm cơ sở cho các môn học thiết kế nội thất chuyên ngành sâu.

2.6.56 Kiến trúc nhiệt đới: 2 tín chỉ

Nội dung:

- Môn học này cung cấp kiến thức tổng quát về những mối liên hệ giữa đặc trưng của khí hậu vùng nhiệt đới với các giải pháp xây dựng kiến trúc nhằm tạo lập môi trường phù hợp cho các hoạt động của con người.
- Thông qua bài giảng lý thuyết trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu kiến trúc xây dựng thích ứng với đặc trưng khí hậu của vùng Nhiệt đới.

2.6.57 Đồ án Thiết kế trang thiết bị nội thất (Furniture Design): 3 tín chỉ

Hướng dẫn và truyền đạt cho sinh viên kiến thức về công năng - thẩm mỹ - kỹ thuật thiết kế một sản phẩm trang thiết bị nội thất bao gồm đồ đạc nội thất và các thiết bị chiếu sáng, đồ vật trang trí khác... Trong đó đặc biệt lưu ý tới thành phần đồ đạc nội thất (furniture): Ghế, bàn, kệ, tủ trưng bày..., là một trong những thành tố cơ bản tạo nên không gian ở tiện nghi, đẹp và công năng đáp ứng xu hướng thiết kế đồ gỗ trên thị trường.

Sinh viên nắm vững phương pháp thiết kế một sản phẩm đồ nội thất, vận dụng phương pháp tư duy sáng tạo và phương pháp tổng hợp các nguồn tư liệu phục vụ thiết kế.

Hiểu biết các chi tiết kỹ thuật liên kết và cấu tạo trong một sản phẩm nội thất. Có kiến thức về các phương pháp xử lý và hoàn thiện sản phẩm nội thất.

2.6.58 Chuyên đề Thiết kế trang thiết bị nội thất (Furniture Design): 2 tín chỉ

Hướng dẫn và truyền đạt cho sinh viên kiến thức về công năng - thẩm mỹ - kỹ thuật thiết kế một sản phẩm trang thiết bị nội thất bao gồm đồ đạc nội thất và các thiết bị chiếu sáng, đồ vật trang trí khác... Trong đó đặc biệt lưu ý tới thành phần đồ đạc nội thất (furniture): Ghế, bàn, kệ, tủ trưng bày..., là một trong những thành tố cơ bản tạo nên không gian ở tiện nghi, đẹp và công năng đáp ứng xu hướng thiết kế đồ gỗ trên thị trường.

2.6.59 Đề cương tốt nghiệp: 3 tín chỉ

Nội dung:

- Đề cương tốt nghiệp là học phần mà SV phải thực hiện trước khi được giao đồ án tốt nghiệp. SV được tùy chọn một công trình kiến trúc thực tế để xây dựng cơ sở thiết kế cho Đồ án tốt nghiệp. Nhiệm vụ của Đề cương tốt nghiệp là:

- Thiết lập dữ liệu thiết kế cho đồ án tốt nghiệp
- Thiết lập những hiểu biết khái quát về đề tài tốt nghiệp
- Thu thập & tổng hợp các kiến thức, tài liệu cần thiết để thực hiện đồ án tốt nghiệp
- Xây dựng nhiệm vụ thiết kế nội thất cho đồ án tốt nghiệp

2.6.60 Thực tập tốt nghiệp: 6 tín chỉ

Nội dung:

- Học phần tạo điều kiện và môi trường để sinh viên tham gia thực tập chuyên ngành trong các doanh nghiệp - công ty thiết kế chuyên nghiệp trong xã hội
- Tạo cơ chế liên kết – phối hợp lâu dài giữa khoa KT-XD-MTUD, trường ĐH Nguyễn Tất Thành với các doanh nghiệp - công ty thiết kế chuyên nghiệp có tên tuổi, qua đó trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để học tập chuyên ngành và hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

2.6.61 Đồ án tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Nội dung: Để chuẩn bị cho việc thực hiện đồ án tốt nghiệp, sinh viên cần xác định cơ sở để xây dựng nhiệm vụ thiết kế. Dựa trên thể loại công trình đã lựa chọn ở học phần nghiên cứu cơ sở Thiết kế Tốt nghiệp (đồ án tổng hợp), sinh viên xác định vị trí khu đất xây dựng, quy mô công trình và những dữ liệu kỹ thuật cần thiết khác để thực hiện Đề cương tốt nghiệp. Bên cạnh đó, học phần này giúp sinh viên nắm vững sự nhất quán trong thiết kế, sáng tạo các không gian điển hình trong công trình lựa chọn làm đồ án tốt nghiệp, nắm vững phương pháp thiết kế nội thất các công trình công cộng: tìm ý tưởng, xử lý không gian, công năng, thẩm mỹ mỹ thuật công nghiệp trong các vấn đề: sử dụng chất liệu, chiếu sáng, tuyến lưu thông, tuyến nhìn chuẩn, tạo hình, âm học và các giải pháp vi khí hậu; xử lý bố cục không gian, sắp xếp mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt công trình, tạo tuyến lưu thông phù hợp đặc thù công trình, kết hợp nhuần nhuyễn ý tưởng nghệ thuật trong sáng tạo không gian nội thất, xử lý ánh sáng, chất liệu sử dụng đặc trưng đối với công trình.

3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra

Bảng 18. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (4 năm)	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thiết kế nội thất - Trường ĐH Tôn Đức Thắng (4 năm)	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Thiết kế nội thất của Trường University London (5 năm)	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành ngành Thiết kế nội thất của Trường The University of Bolton (3 năm)	Nhận xét	
K	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Thiết kế nội thất để thiết kế sáng tác, lập hồ sơ và quản lý dự án kiến quan đến 	<ul style="list-style-type: none"> Trình bày được những quan điểm triết học, những giá trị văn hoá, xã hội và lịch sử làm cơ sở cho việc vận dụng các giá trị nhân văn trong thiết kế nội thất. Vận dụng các kiến thức về mỹ thuật, nghệ thuật trong việc phát triển ý tưởng, sự sáng hình thành và phát triển ý tưởng, sự sáng tạo trong thiết kế nội thất. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm vững những kiến thức cơ bản về vẽ mỹ thuật, về thẩm mỹ, về bố cục thị giác và xử lý hình ảnh. Hiểu rõ về phương pháp nghiên cứu, phương pháp thiết kế, phương pháp lập kế hoạch để phát triển ý tưởng cho sản phẩm. Nắm vững các nguyên lý thiết kế và các quy trình thiết kế nội thất từ 	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu và sử dụng kiến thức sâu rộng và chuyên sâu về một loạt các phương pháp và nguyên tắc được sử dụng bởi các chuyên gia khác trong Thiết kế Nội thất. Vận dụng các kiến thức về mỹ thuật, nghệ thuật trong việc hình thành và phát triển ý tưởng, sự sáng tạo trong thiết kế nội thất. Sử dụng kiến thức chi tiết và phức tạp và hiểu biết về bề rộng của bối cảnh, khung cảnh và môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn và sử dụng vật liệu, quy trình và môi trường thích hợp Phát triển ý tưởng cho đến kết quả cuối cùng (ví dụ: sản phẩm, hệ thống và quy trình, tính bền vững và bao gồm). Biết cách quản lý và sử dụng phù hợp, về sự tương tác giữa ý định, quá trình, kết quả, bối cảnh và phương pháp Hiểu ảnh hưởng của bối cảnh 	<p>Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Nội thất của NTTU thiên về ứng dụng thực tế, không xa rời xu hướng CĐR của nhiều trường có kinh nghiệm trong đào tạo ngành Thiết kế nội thất.</p>

<p>chuyên ngành Thiết kế nội thất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng các kiến thức về kỹ thuật nội thất, khoa học công trình, môi trường tự nhiên, phát triển bền vững trong thiết kế nội thất. Tổng hợp các kiến thức về lý thuyết chuyên ngành thiết kế nội thất, qua đó thiết kế nội thất cho một số thể loại công trình tiêu biểu đáp ứng tiêu chuẩn quy định và phù hợp với nhu cầu xã hội. 	<p>khâu đầu đến khâu cuối.</p> <ul style="list-style-type: none"> Có những hiểu biết về thị hiếu thẩm mỹ, về lịch sử mỹ thuật, lịch sử nội thất để từ đó tạo ra những thiết kế phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn để thiết kế đồ đặc, nội - ngoại thất : nhà ở, công trình thương mại, công trình dịch vụ, công trình giáo dục, cảnh quan... 	<p>trong đó thiết kế nội thất vận hành, bao gồm các quan điểm đương đại, lịch sử, lý thuyết, xã hội, văn hóa, đạo đức và môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu ứng dụng phù hợp của một loạt các công cụ, vật liệu và phương pháp hiện tại và mới nổi có liên quan đến sự tin tham gia vào Thiết kế Nội thất đương đại bao gồm các phương pháp liên ngành và đa ngành. Hiểu và áp dụng kiến thức sâu rộng và chuyên sâu về ứng dụng thực tế chuyên nghiệp trong Thiết kế Nội thất, bao gồm: nhà thiết kế trong môi quan hệ với khách hàng; người sử dụng; đồng nghiệp; môi trường; thị trường và vấn đề sở hữu trí tuệ. 	<p>kinh doanh, văn hóa, kinh tế, môi trường, đạo đức, toàn cầu, lịch sử, chính trị, xã hội và lý thuyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nắm các loại vật liệu, bao gồm cả tính chất vật liệu, phương pháp chế biến, phân tích vòng đời và giá thành sản phẩm. Áp dụng được mối quan hệ giữa kích thước thẩm mỹ và thực dụng của không gian nội thất. Hiểu ảnh hưởng của các tòa nhà, thành phố, xã hội trong quá khứ và hiện tại và các vấn đề quốc tế rộng lớn hơn trên môi trường xây dựng đương đại. 	<p>Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Nội</p>
<p>chuyên ngành Thiết kế nội thất.</p>	<p>khả năng lập về tư vấn, thiết kế nội ngoại</p>	<p>Có khả năng độc lập về tư vấn, thiết kế nội ngoại</p>	<p>Phân tích độc lập các nguồn, điều hướng, giao tiếp và áp</p>	<p>Sáng tạo ra các ý tưởng, cả trong công việc thiết kế</p>	<p>Chương trình</p>

<p>S</p>	<p>phương thức khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các bản vẽ kỹ thuật Thiết kế nội thất, bản vẽ phối cảnh Thiết kế Nội thất; • Thực hiện Thiết kế nội thất các thể loại công trình khác nhau: công trình công cộng, công trình nhà ở, cảnh quan trong nội thất; • Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm chuyên ngành để phục vụ công tác nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp. 	<p>trình thiết kế của một đồ án Thiết kế Nội thất.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có kỹ năng phân tích thể loại công trình, đối tượng sử dụng, tổ chức không gian, ngôn ngữ tạo hình trong các đồ án thiết kế nội thất. • Có kỹ năng thể hiện được ý đồ Thiết kế Nội thất cho những không gian nội thất cụ thể, phù hợp với chức năng sử dụng. • Có kỹ năng trình bày, thuyết trình các vấn đề chuyên môn. • Có kỹ năng làm việc độc lập, và làm việc theo nhóm trong các dự án chuyên ngành và liên ngành. • Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin 	<p>thất các công trình kiến trúc vừa và nhỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có kỹ năng tự cập nhật kiến thức để làm việc trong môi trường thiết kế chuyên nghiệp tại Việt Nam và trên thế giới. • Có kỹ năng vẽ tay và sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế 2D, 3D làm công cụ thể hiện và trình bày ý tưởng. • Kỹ năng tự học, nghiên cứu, tổng hợp, phân tích thông tin về các lĩnh vực: văn hóa, kinh tế, xã hội... • Kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu. 	<p>dụng các tài liệu nghiên cứu có liên quan từ nhiều nguồn khác nhau, để phát triển các câu trả lời cho các bản tóm tắt nhiệm vụ thiết kế bằng văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tự động tham gia sáng tạo vào việc tạo, phát triển và hiện thực hóa các giải pháp cho các bản tóm tắt Thiết kế Nội thất, phù hợp với bối cảnh và đối tượng, độc lập và phối hợp với những người khác. • Phân tích, phản ánh và đánh giá phê bình và độc lập, các bối cảnh khác nhau trong Thiết kế Nội thất, bao gồm cả những bối cảnh có thể phức tạp, mơ hồ hoặc không thể đoán trước, trong quá trình phát triển ý tưởng thành kết quả. • Độc lập lựa chọn, thử nghiệm và sử 	<p>thực tế và trong việc tạo ra các phương pháp mới</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tư duy tập trung và chia nhỏ ra trong các quá trình quan sát • Sử dụng nhận thức quan trọng trong phân tích thông tin và kinh nghiệm • Áp dụng các kỹ năng tháo vát và kinh doanh để hỗ trợ cho quá trình ứng dụng thực tế của cá nhân • Quản lý mối quan hệ giữa khách hàng, người dùng và người tiêu dùng và sử dụng các kỹ năng chuyên nghiệp khi thiết kế cho các bên liên quan đó • Thiết kế Nội thất xem xét thích hợp cho các vấn đề môi trường và bền vững 	<p>thất của NTTU thiên về ứng dụng thực tế, không xa rời xu hướng CDR của nhiều trường có kinh nghiệm trong đào tạo ngành Thiết kế nội thất.</p>
-----------------	---	--	--	--	--	--

<p>học văn phòng cơ bản, thu thập và xử lý thông tin, trình bày các vấn đề chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vận dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành cho việc thiết kế và và thể hiện các đồ án Thiết kế Nội thất. • TOEIC 450 hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kỹ năng làm việc theo nhóm. • Kỹ năng giao tiếp. • Kỹ năng an toàn, rèn luyện sức khỏe và tinh thần đồng đội: bơi liên tục được 50m; chơi tối thiểu 1 môn thể thao. • IELTS 5.0 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương. • Chứng chỉ tin học MOS quốc tế. • Vận dụng thành thạo tin học ứng dụng trong công việc. • Sử dụng hiệu quả các phần mềm thiết kế chuyên ngành (Photoshop, Corel draw, 3D 	<p>dùng phù hợp nhiều loại vật liệu, quy trình, công nghệ và môi trường thể hiện sự hiểu biết về các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng và chú ý đến chi tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng kỹ năng kinh doanh, đổi mới và doanh nghiệp để định vị công việc của riêng bạn và hoạt động hiệu quả trong bối cảnh ứng dụng thực tế chuyên nghiệp của Thiết kế nội thất. • Giao tiếp chuyên nghiệp trong việc trình bày nghiên cứu, ý tưởng, lập luận lý luận và thiết kế công việc trong một loạt các tình huống, dưới hình thức trực quan, bằng miệng và bằng văn bản, sử dụng các kỹ năng CNTT có liên quan khi thích hợp. • Đọc lập quản lý bản thân và công việc 	<ul style="list-style-type: none"> • Diễn đạt ý tưởng và thông tin một cách toàn diện dưới dạng hình ảnh, lời nói và văn bản • Phát triển thiết kế các vật thể và không gian ba chiều, dựa trên việc sử dụng các khảo sát ban đầu cho Thiết kế Nội thất và bản vẽ hai chiều, kết hợp đo lường, tỷ lệ và tỷ lệ • Có khả năng học độc lập, đặt mục tiêu, quản lý khối lượng công việc của cá nhân và đáp ứng thời hạn • Có khả năng dự đoán và thích ứng với sự thay đổi, và làm việc trong bối cảnh mơ hồ, không chắc chắn và không quen thuộc • Tương tác hiệu quả với những người khác, bao gồm
--	--	---	---

	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội • Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương 	<ul style="list-style-type: none"> • Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường tự nhiên. • Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và hỗ trợ đồng nghiệp, thực hiện đúng những quy định về quyền sở hữu trí tuệ, tác quyền. 	<p>max. Autocad, Skecht up ...).</p>	<p>của bạn một cách xây dựng, hiệu quả và đạo đức.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Làm việc hiệu quả với những người khác, thông qua sự hợp tác, nỗ lực tập thể và đàm phán. 	<p>đội ngũ thiết kế, nhà cung cấp và khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày ý tưởng hiệu quả cho khách giả • Nghiên cứu, đánh giá, sắp xếp và áp dụng thông tin và ý tưởng trong công việc của họ và hiện thị sự hiểu biết về tầm quan trọng của nghiên cứu đó • Chọn và sử dụng các kỹ năng giao tiếp và thông tin một cách lành nghề và hiệu quả. 	
A			<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp. • Nhận thức đúng vai trò quan trọng của nhà thiết kế trong việc tạo ra những Thiết kế Nội thất có giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa, góp phần thúc 	<ul style="list-style-type: none"> • Tham gia xây dựng, phản ánh bản thân và phản ứng tích cực với đánh giá phê phán của người khác, liên quan đến cả sự tiến bộ chuyên môn chung và sự phát triển cụ thể của bạn trong thực tiễn Thiết kế Nội thất. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tập trung vào khách hàng, thiết kế cho khách hàng để đáp ứng nhu cầu của họ 	<p>Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Nội thất của NTTU thiên về ứng dụng thực tế, không xa rời xu hướng CDR của nhiều trường có kinh nghiệm trong</p>

lại rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật, các quy định của trường, khoa và các tổ chức đoàn thể trong trường. 	<p>đầy sự phát triển kinh tế của đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, có năng lực giải quyết công việc thực tế. Có tinh thần vì tập thể. Có ý thức tham gia các công tác xã hội, đoàn thể. Có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần sáng tạo và làm việc vì cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Thể hiện sự tự nhận thức, giá trị đạo đức, cởi mở và nhạy cảm với sự đa dạng về con người, văn hóa, và các vấn đề môi trường và kinh doanh, trong hành vi và công việc 	đào tạo ngành Thiết kế nội thất.
--	---	---	--	----------------------------------

3.2 Đối sánh chương trình đào tạo

3.2.1 Đối sánh các chương trình đào tạo

Bảng 19. Bảng đối sánh các chương trình đào tạo

- Đối sánh Chương trình đào tạo 2 trường trong nước.

Nội dung đối sánh	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (4 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Kiến Trúc TP. HCM (5 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Tôn Đức Thắng (4 năm)	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐHNTT)
Tổng số tín chỉ	142	150	136	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	61 môn/142 tín chỉ	63 môn/ 150 tín chỉ	46 môn/136 tín chỉ	
Đại cương	13	25	36	
Khoa học cơ bản	24	0	0	
Cơ sở ngành	42	51	25	
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu	56	45	59	Chương trình đào tạo của trường đại học Nguyễn Tất Thành có số môn học gần tương đương trường đại học Kiến trúc TP.HCM và nhiều hơn trường đại học Tôn Đức Thắng. Trường Nguyễn Tất Thành chú trọng vào các môn ứng dụng thực tế, giảm bớt các môn nghiên cứu chuyên sâu.
Tốt nghiệp	7	10	10	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/ học tập	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	Giảng dạy theo định hướng chuyên sâu, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	

Nội dung đối sánh	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (4 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Kiến Trúc TP. HCM (5 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Tôn Đức Thắng (4 năm)	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐHNTT)
Phương pháp đánh giá	Tự luận hoặc trắc nghiệm Làm bài thu hoạch cuối kỳ Đồ án chuyên ngành	Tự luận hoặc trắc nghiệm Làm bài thu hoạch cuối kỳ Đồ án chuyên ngành	Tự luận hoặc trắc nghiệm Làm bài thu hoạch cuối kỳ Đồ án chuyên ngành	
Các đối sánh khác (nếu có)	Không có học phần tự chọn	Học phần tự chọn: 19	Học phần tự chọn: 6	

- Đối sánh Chương trình đào tạo 2 trường quốc tế.

Nội dung đối sánh	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (4 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường Regent's University London (5 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường The University of Bolton (3 năm)	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐHNTT)
Tổng số tín chỉ	142	150	136	
Cấu trúc chương trình:	61 môn/142 tín chỉ	27 môn/ 488 tín chỉ	11 môn/360 tín chỉ	Hệ thống tín chỉ ở các trường Ở trường Regent's University London và The University of Bolton

Nội dung đối sánh	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (4 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường Regent's University London (5 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường The University of Bolton (3 năm)	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐH NTT)
(số lượng môn/tín chỉ)				khác trường đại học Nguyễn Tất Thành. Ở trường The University of Bolton, cần có chứng chỉ Level 3
Đại cương	13	Năm học đại cương là Level 3. Chuyên ngành bắt đầu từ Level 4	Đã có chứng chỉ Level 3	(Chứng chỉ Foundation, BTEC National) trong một lĩnh vực chủ đề dựa trên nghệ thuật và thiết kế tương đương để được nhập học. Do đó thời gian đào tạo chỉ cần 3 năm.
Khoa học cơ bản	24	406		Ở trường Regent's University London, có 2 mức đào tạo:
Cơ sở ngành	42	10		Tối thiểu 4 năm bao gồm Level 3 tích hợp, 3 năm không tích hợp Level 3 (đã có chứng chỉ Level 3)
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu	56			Tối đa: 5 năm bao gồm Cấp 3 tích hợp và 4 năm không tích hợp Level 3 (đã có chứng chỉ Level 3).
Tốt nghiệp	7			
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/ học tập	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	Giảng dạy theo định hướng chuyên sâu, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	
Phương pháp đánh giá	Tự luận hoặc trắc nghiệm	Tự luận hoặc trắc nghiệm	Tự luận hoặc trắc nghiệm	

Nội dung đối sánh	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (4 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường Regent's University London (5 năm)	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường The University of Bolton (3 năm)	Nhận xét (Cần nêu rõ các điểm đã tham khảo, tiếp thu từ đơn vị bạn cũng như rút ra được điểm đặc trưng, điểm mạnh của ngành thuộc trường ĐHTTT)
Các đối sánh khác (nếu có)	Làm bài thu hoạch cuối kỳ Đồ án chuyên ngành	Làm bài thu hoạch cuối kỳ Đồ án chuyên ngành	Làm bài thu hoạch cuối kỳ Đồ án chuyên ngành	
	Không có học phần tự chọn	Học phần tự chọn: 80	Không có học phần tự chọn	

3.2.2 Đối sánh cùng chương trình đào tạo với các phiên bản trước đó

Bảng 20. Bảng đối sánh các phiên bản khác nhau của cùng chương trình đào tạo ngành

Nội dung đối sánh	Khóa 2018	Khóa 2020	Khóa hiện tại 2022	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Tổng số tín chỉ	141	142	142	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	73 môn/141 tín chỉ (tính cả các môn tự chọn)	63 môn/ 142 tín chỉ (tính cả các môn tự chọn)	61 môn/142 tín chỉ (không có môn tự chọn)	Chương trình 2022 được tinh gọn, bỏ bớt những môn không hiệu quả và thêm vào các môn cần thiết để tăng khả năng ứng dụng thực tế cho người học, so với các năm 2020 và 2018.
Đại cương	34	35	13	
Khoa học cơ bản	0	0	24	
Cơ sở ngành	31	43	42	

Nội dung đối sánh	Khóa 2018	Khóa 2020	Khóa hiện tại 2022	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Chuyên ngành/cốt lõi ngành/chuyên sâu	68 (đã bao gồm thực tập Tốt nghiệp)	54 (đã bao gồm thực tập Tốt nghiệp)	56 (đã bao gồm thực tập Tốt nghiệp)	
Tốt nghiệp	8	10	7	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	Giảng dạy theo định hướng ứng dụng thực tế, kết hợp lý thuyết + ứng dụng thực tế.	
Phương pháp đánh giá	<p>Lý thuyết: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình, tiểu luận, thi giữa kì, thi cuối kì.</p> <p>Thực hành: Thao tác thực tế tại công trình, báo cáo bài tiểu luận, bảo vệ tiểu luận.</p> <p>Đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</p>	<p>Tự luận hoặc trắc nghiệm</p> <p>Làm bài thu hoạch cuối kỳ</p> <p>Đồ án chuyên ngành</p>	<p>Tự luận hoặc trắc nghiệm</p> <p>Làm bài thu hoạch cuối kỳ</p> <p>Đồ án chuyên ngành</p>	
Các đối sánh khác (nếu có)				

4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bộ đề cương học phần của chương trình đào tạo ngành Thiết kế Nội thất được ban hành kèm theo chương trình đào tạo này.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1 Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành khóa 2018, khóa 2020

5.2 Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Kiến Trúc TP. HCM khoá 2018-2019

5.3 Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Tôn Đức Thắng khoá 2018

5.4 Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường Regent's University London

5.5 Chương trình đào tạo ngành Thiết kế nội thất của Trường The University of Bolton

5.6 Các văn bản hướng dẫn của trường đại học Nguyễn Tất Thành về rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

PGS. TS. Nguyễn Thị Hạnh Nguyên

